

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bản tỉnh Cà Mau năm 2025

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Khái quát điều kiện tự nhiên, dân sinh và kinh tế - xã hội

1.1. Đặc điểm về tự nhiên:

Cà Mau là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long và nằm trọn trên bán đảo Cà Mau, với tổng chiều dài bờ biển lên đến 254km, trong đó, bờ biển Tây dài 154km, bờ biển Đông dài 100km và vùng biển rộng 71.000 km²; phía Nam có Hòn Khoai cách cửa biển Rạch Gốc 13 hải lý; phía Tây Nam có đảo Hòn Chuối cách cửa biển Sông Đốc 18 hải lý và Hòn Đá Bạc cách cửa kênh Đá Bạc 600m, với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, địa hình thấp, bằng phẳng và thường xuyên bị ngập nước, chịu tác động trực tiếp bởi 02 chế độ thủy triều là bán nhật triều không đều ở Biển Đông và nhật triều không đều ở biển Tây.

Khí hậu tỉnh Cà Mau mang đặc trưng nhiệt đới cận xích đạo gió mùa, có 02 mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô, nhiệt độ không khí trung bình năm 2024 ở mức 28.8 độ C, cao hơn trung bình nhiều năm (30 năm) 1.1 độ C, lượng mưa trung bình năm 2024 là 2.130 – 3.002 mm, phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm từ 5-21%, là một trong những địa phương chịu tác động nghiêm trọng nhất của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

1.2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội:

Đặc điểm dân sinh: Dân số trung bình của tỉnh đạt 1.207.374 người, mật độ là 229 người/km², có khoảng 20 dân tộc nhưng chủ yếu có 03 dân tộc gồm: Kinh, Khmer và Hoa. Trong đó dân tộc Kinh chiếm 95,65%, sống ở hầu hết các nơi trên địa bàn tỉnh; dân tộc Khmer chiếm 2,75%, chủ yếu sinh sống tập trung ở xung quanh những ngôi chùa tạo thành các sóc (xóm) người Khmer và sinh sống bằng nghề trồng lúa nước, chăn nuôi, nuôi trồng, khai thác thủy sản và mua bán nhỏ; người Hoa chiếm 0,77%, sống tập trung phần lớn ở đô thị, sinh sống chủ yếu bằng nghề mua bán. Toàn tỉnh có 56.010 người thuộc đối tượng dễ bị tổn thương (*trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo*).

Đặc điểm kinh tế - xã hội: GRDP bình quân đầu người năm 2024 đạt 72,6 triệu đồng, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, chế biến các mặt hàng nông sản thực phẩm và thương mại dịch vụ. Lĩnh vực ngư – nông – lâm

tiếp tục thể hiện vai trò trụ đỡ trong phát triển kinh tế của tỉnh với mũi nhọn là thủy sản. Biển đã và sẽ tạo ra vị thế phát triển cho tỉnh Cà Mau thông qua các lĩnh vực dầu khí, khai thác thủy sản, du lịch, công nghiệp cơ khí và chế biến thủy sản, vận tải biển và đặc biệt là nhiệm vụ quốc phòng an ninh vùng biển.

2. Đặc điểm và tình hình mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng

2.1 Mưa lớn:

Mưa lớn là hiện tượng mưa với tổng lượng mưa đạt trên 50mm trong 24 giờ. Hiện tượng mưa lớn xuất hiện ngày càng thường xuyên hơn trên địa bàn tỉnh Cà Mau, trong năm 2024 cá biệt có những thời điểm lượng mưa 24 giờ đạt đến 194mm, lượng mưa trong năm lớn nhất đo được tại trạm xã Phú Tân đạt 3.002mm, mưa lớn dẫn đến tình trạng ngập úng cục bộ và gây thiệt hại lớn về sản xuất nông nghiệp cho người dân, đặc biệt là các huyện vùng ngọt hóa. Năm 2024 mưa lớn làm thiệt hại gần 1.000 ha lúa, hoa màu.

2.2. Lốc:

Lốc là luồng gió xoáy có sức gió mạnh tương đương với sức gió của bão nhưng được hình thành và tan trong thời gian ngắn, phạm vi hoạt động hẹp. Trên địa bàn tỉnh, lốc thường xảy ra trong mùa mưa, kèm theo mưa, ít khi xuất hiện độc lập. Trong thời gian qua đông, lốc cũng đã gây ra không ít thiệt hại cho người dân, đặc biệt là thiệt hại sức khỏe, tính mạng người dân, bên cạnh đó phần nhiều là về nhà ở, công trình, chỉ trong năm 2024 lốc làm bị thương 6 người, gây thiệt hại, hư hỏng: 189 căn nhà và các công trình dân sinh, công trình sản xuất ước thiệt hại trên 04 tỷ đồng.

2.3. Sét:

Sét là hiện tượng phóng điện trong đám mây, giữa các đám mây với nhau hoặc giữa đám mây với mặt đất. Sét thường xuất hiện trong mùa mưa và nhiều nhất vào thời kỳ chuyển mùa. Đối với tỉnh Cà Mau, sét thường bắt đầu diễn ra từ tháng 4 đến tháng 11 hàng năm. Số vụ thiệt hại do sét gây ra trên địa bàn tỉnh tuy không nhiều, tuy nhiên thiệt hại sét gây ra lại nghiêm trọng, do ảnh hưởng đến tính mạng con người, năm 2024 sét làm 01 người chết và thiệt hại 01 căn nhà.

2.4. Ngập lụt:

Ngập lụt là hiện tượng mặt đất bị ngập nước do ảnh hưởng của mưa lớn, triều cường, nước biển dâng. Trong năm 2024, ngập lụt làm bề hơn 300m bờ bao thiệt hại hơn 1.000 ha diện tích lúa, hoa màu, diện tích nuôi trồng thủy sản. Trong khu vực đô thị, đường giao thông bị ngập sâu trong thời gian dài dẫn đến hư hỏng, gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông, bên cạnh đó nhà, công trình hạ tầng cũng bị ngập sâu, gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

2.5. Nước dâng:

Nước dâng là hiện tượng nước biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão hoặc gió mạnh trên biển. Mặc dù

tần suất xuất hiện nước dâng do bão là không lớn nhưng rất nguy hiểm do mực nước dâng cao và bất ngờ, gây ngập lụt khu vực ven biển. Trên địa bàn tỉnh, nước biển dâng uy hiếp trực tiếp đến hệ thống đê biển, đặc biệt là đê biển Tây, đe dọa gây vỡ đê một số đoạn sạt lở đặc biệt nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống, dân sinh của người dân trong đê.

3. Đánh giá rủi ro do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt và nước dâng

3.1. Đánh giá thiên tai:

a) Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn:

Mùa mưa trên địa bàn tỉnh Cà Mau thường bắt đầu khoảng tháng 4 và kết thúc vào tháng 11. Do tác động của biến đổi khí hậu đặc biệt là hiện tượng La Nina, lượng mưa ngày lớn nhất đã ghi nhận được tại các trạm đo như Viên An Đông 194,4mm; Viên An 178,2mm; Biển Bạch 160mm; Đất Mũi 153,8mm,... đối chiếu quy định tại Điều 44 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xác định mưa lớn trên địa bàn tỉnh Cà Mau sẽ có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

b) Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét:

Trong những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh Cà Mau, sét thường xuyên được cảnh báo xuất hiện cùng mưa dông, lốc. Tuy nhiên thực tế ghi nhận các trường hợp sét đánh thường chỉ ở phạm vi hẹp, dưới 1/2 số huyện, xã. Đối chiếu Điều 52 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xác định sét trên địa bàn tỉnh Cà Mau sẽ có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

c) Cấp độ rủi ro thiên tai do ngập lụt:

Ngập lụt xảy ra trên địa bàn tỉnh chủ yếu là do mưa kết hợp với triều cường dâng cao. Mực nước cao nhất lịch sử theo ghi nhận thực tế tại các trạm đo cụ thể như sau: trạm Cà Mau trên Sông Gành Hào ghi nhận 1,16 m xuất hiện vào ngày 03/10/2023 (vượt báo động III 0,31 m); trạm Năm Căn trên sông Cửa Lớn ghi nhận 1,83 m xuất hiện vào ngày 09/11/2024 (vượt báo động III 0,23 m); trạm Sông Đốc trên Sông Ông Đốc ghi nhận 1,30 m xuất hiện vào ngày 12/7/2022 (vượt báo động III 0,35 m); trạm Cầu Sông Đàm trên Sông Đàm Dơi ghi nhận 1,54m xuất hiện vào ngày 08/12/2021 (vượt mức báo động III là 0,14 m); trạm Cầu Rạch Gốc trên sông Rạch Gốc ghi nhận 2,30m xuất hiện vào ngày 19/11/2024 (vượt mức báo động III là 0,25m). Đối chiếu Điều 45 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xác định ngập lụt trên địa bàn tỉnh có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 3.

d) Cấp độ rủi ro thiên tai do nước dâng:

Tình hình nước biển dâng do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới và gió mạnh trên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau diễn ra không thường xuyên. Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mực nước biển dâng do bão cao nhất đã xảy ra ở vùng biển Đông của Cà Mau là 2,0 m, đối với biển Tây tỉnh Cà Mau thường xuyên ảnh hưởng nước dâng cao tràn qua đỉnh kè và đê biển Tây (qua ghi nhận chỉ

trong 06 năm từ năm 2019 đến năm 2024 đã xảy ra 02 lần mực nước triều cường dâng cao tràn qua đỉnh đê biển thiết kế +3.0m). Căn cứ vào cao trình đê (+3,0 m), chiều cao mực nước tràn qua đê (0,3m), so sánh với mực nước biển trung bình vùng biển Tây Cà Mau (khoảng 1,0m), có thể ước tính chiều cao mực nước biển dâng vào ngày 03/8/2019 khoảng 2,3m (do chưa có trạm hải văn). Đối chiếu Điều 43 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xác định nước biển dâng trên các vùng biển tỉnh Cà Mau sẽ có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 2 đối với biển Đông và cấp 3 đối với biển Tây.

d) Các dấu hiệu cảnh báo:

Mưa lớn: Mưa nói chung và mưa lớn nói riêng thường có rất nhiều cách để nhận biết, về những dấu hiệu theo kinh nghiệm dân gian như: chuồn chuồn bay thấp, xuất hiện nhiều mối cánh, bầu trời đêm ít hoặc không có sao,...cho đến các biểu hiện mang tính khoa học như: độ ẩm không khí cao, thời tiết oi bức, mây tích hội tụ về một hướng chân trời, xuất hiện sấm chớp,... Ngoài ra, mưa lớn còn là hệ quả của một số loại hình thời tiết đặc biệt như bão, áp thấp nhiệt đới hay dải hội tụ nhiệt đới, hội tụ gió mạnh trên nhiều tầng, front lạnh, đường đứt... Đặc biệt khi có sự kết hợp giữa chúng với nhau ở cùng một thời điểm sẽ càng nguy hiểm hơn, gây nên mưa to, gió lớn, dông,... trong một thời gian dài trên một phạm vi rộng.

Lốc: Lốc được sinh ra là do những dòng khí nóng bốc lên cao một cách mạnh mẽ. Trong những ngày nóng nực mùa hè, mặt đất bị đốt nóng không đều nhau, một khoảng nào đó hấp thụ nhiệt thuận lợi sẽ nóng hơn, tạo ra một vùng khí áp giảm và tạo nên dòng thăng, không khí lạnh hơn ở chung quanh tràn đến tạo thành hiện tượng gió xoáy, tương tự như trong cơn bão. Lốc cũng thường xuất hiện trong những đám mây dông, khi đối lưu phát triển mạnh, sự chênh lệch nhiệt độ theo chiều thẳng đứng lớn, làm cho áp suất thay đổi đột ngột, tạo nên những cột gió xoáy lớn, kèm theo lốc thường có dông. Lốc có hình dạng xoắn lại như hình nón kèm theo tiếng hú do dòng gió xoáy trong không khí tạo ra.

Sét: Sét được sinh ra từ các đám mây vũ tích hay còn gọi là mây dông, do đó, dấu hiệu rõ ràng nhất của sét là xuất hiện các đám mây dông; sét thường xuất hiện kèm các cơn mưa, dông, lốc, tia chớp,...

Ngập lụt: Trên địa bàn tỉnh Cà Mau, ngập lụt có khả năng xảy ra khi có mưa lớn kết triều cường, do đó các dấu hiệu cảnh báo rõ nhất chính là các dấu hiệu của mưa lớn, triều cường dâng cao.

Nước dâng: Có bản tin dự báo bão, ATNĐ, gió mạnh, sóng lớn trên biển, mưa lớn.

e) Thời gian cảnh báo, dự báo trước:

Mưa lớn: Mưa lớn có thể được cảnh báo trước 48 giờ và được dự báo trước 24 giờ trước khi mưa lớn có khả năng xảy ra.

Lốc, sét: Đối với lốc, sét hầu như chỉ được cảnh báo ngay trước khi xảy ra do công tác dự báo lốc, sét rất khó khăn.

Ngập lụt: Tin cảnh báo ngập lụt được ban hành khi phát hiện mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng hoặc khi phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đập, vỡ đê, tràn đê có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng.

Nước dâng: Nước dâng do bão, ATNĐ được cảnh báo ngay khi phát tin bão, ATNĐ khẩn cấp và trong 24 giờ đến 48 giờ khi phát hiện sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra.

3.2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai theo 04 tại chỗ:

a) Nguồn nhân lực:

100% Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự các ngành, các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn và phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên đáp ứng toàn diện công tác chỉ huy, chỉ đạo ứng phó với mọi tình huống thiên tai.

Toàn tỉnh có gần 25.000 lực lượng tại chỗ (Công an, Quân sự, Bộ đội biên phòng, y tế, thanh niên tình nguyện, doanh nghiệp huy động, Hội chữ thập đỏ, lực lượng xung kích, dân quân tự vệ, các ban ngành, lực lượng phản ứng nhanh,...) được tập huấn thường xuyên, sẵn sàng huy động khi có mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng xảy ra. (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

b) Về cơ sở hạ tầng:

Về hạ tầng giao thông đường bộ: Cà Mau có 03 tuyến quốc lộ đi qua với tổng chiều dài 220 km, 11 tuyến tỉnh lộ với tổng chiều dài 336 km, 976,4 km đường liên huyện và hơn 10.000 km đường giao thông nông thôn.

Về hạ tầng giao thông đường thủy: Hệ thống đường thủy trên địa bàn tỉnh có 65 đoạn, tuyến sông - kênh chính do Trung ương và tỉnh quản lý với tổng chiều dài 1.223,2 km.

Về đường biển: Cơ bản đáp ứng được yêu cầu đi lại trên biển, hoạt động khai thác thủy sản trên biển, vận chuyển lương thực, thực phẩm ra các đảo, cụm đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối,...

Về đường hàng không: Cảng Hàng không Cà Mau là sân bay hàng không dân dụng cấp 3C, quân sự cấp 2, có khả năng tiếp nhận máy bay ATR-72 và tương đương.

Hiện tại, hệ thống thoát nước của tỉnh là hệ thống thoát chung cho cả nước mưa và nước thải sinh hoạt, một số hệ thống đã xây dựng không còn phù hợp với điều kiện hiện nay, thường xảy ra ngập úng khi gặp mưa, triều cường, gây khó khăn về đời sống sinh hoạt cũng như cuộc sống của người dân. Đối với nước sinh hoạt nông thôn, tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95,5%, phần lớn sử dụng nước phổ biến từ giếng nước nhỏ lẻ hộ gia đình, khi mực nước biển dâng cao dẫn đến tình trạng ngập các giếng khoan, làm gia tăng nguy cơ nhiễm bẩn nguồn nước.

Về hệ thống thông tin liên lạc: Mạng lưới bưu chính - viễn thông của tỉnh

đảm bảo tốt nhu cầu thông tin liên lạc, với 100% xã, phường, thị trấn đã phủ sóng điện thoại. Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau kết hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đã thông tin nhanh nhất đến người dân thông qua sóng phát thanh và truyền hình trước khi xảy ra thiên tai. Đồng thời, tăng cường thông báo, cập nhật tin tức thường xuyên về các loại hình thiên tai đến người dân.

Về y tế: Mạng lưới y tế phục vụ công tác phòng chống thiên tai (bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế,...), tổng số 34 đơn vị. Thời gian qua, cơ sở hạ tầng ngành y tế không ngừng được củng cố cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 146 tuyến đê bao, bờ bao được xây dựng với tổng chiều dài 946 km. Ngoài ra, hệ thống thủy lợi tỉnh còn có 214 cống và 24 trạm bơm với các nhiệm vụ chính là kiểm soát mặn, ngăn triều và tiêu nước. Toàn tuyến đê biển Tây có gần 52 km đê được kiên cố hóa, hơn 56 km đê đất. *(Chi tiết tại Phụ lục II, III, IV, V kèm theo).*

Đường cứu hộ, cứu nạn và cơ sở hạ tầng khác: Trên địa bàn các huyện, thành phố Cà Mau đều có các tuyến đường bộ, đường thủy đảm bảo phục vụ di dời, sơ tán dân khi có nước dâng. *(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo).*

Nhà, công trình kết hợp sơ tán dân: Hiện nay, các công trình tránh trú cộng đồng đang sử dụng kết hợp các công trình như: Trụ sở UBND xã, huyện; trường học và cơ sở tôn giáo,...Tuy nhiên, số lượng công trình kết hợp tránh trú thiên tai cộng đồng tại một số khu vực chưa đảm bảo, đã xuống cấp nhất là tại các khu vực dân cư sống rải rác. *(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo).*

c) Vật tư, phương tiện, trang thiết bị:

Sẵn sàng huy động tại chỗ trên 2.100 phương tiện bộ, thủy; hơn 150 nhà bạt; hơn 200 máy bơm; gần 40 máy phát điện; hàng hóa dự trữ; cơ sở thuốc, dụng cụ y tế..., đảm bảo công tác ứng phó và yêu cầu hỗ trợ sản xuất, phục vụ sinh hoạt, xử lý môi trường và chăm sóc sức khỏe cho người dân khi có mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng xảy ra. *(Chi tiết tại Phụ lục VIII, IX, X kèm theo).*

3.3. Đối tượng, tình trạng dễ bị tổn thương do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng:

a) Đối tượng dễ bị tổn thương:

Về Con người: có 9.821 trẻ em, 1.776 người cao tuổi, 33.306 người khuyết tật, 11.107 người nghèo là nhóm người dễ bị tổn thương do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng, nhất là ở các khu vực ven biển. *(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo).*

b) Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương:

Người dân còn hạn chế trong việc nhận biết các dấu hiệu, cũng như cách thức xử lý khi xảy ra mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng; một bộ phận kém ý thức chưa thực hiện đúng hướng dẫn, khuyến cáo của chính quyền địa phương, chưa chịu di dời đến nơi an toàn.

Một số ngành kinh tế chịu ảnh hưởng do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng:

- *Nông nghiệp*: toàn tỉnh có khoảng 111.330 ha sản xuất lúa, 6.743 ha sản xuất rau màu, 278.365 ha nuôi trồng thủy sản đều có khả năng bị tác động. Diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng diện tích đất tự nhiên, trong khi đó, hệ thống thủy lợi, thủy nông nội đồng chưa đảm bảo, sản xuất lúa, cây trồng phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa,...nên rất dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- *Tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp*: Các ngành tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp ít bị tác động trực tiếp, chủ yếu bị tác động gián tiếp như hư hỏng nhà xưởng, thiếu lao động (do người lao động phải ứng phó thiên tai), thiếu nguồn nguyên liệu (do nguyên liệu bị thiệt hại do thiên tai),....

Cơ sở hạ tầng (giao thông, xây dựng, điện lực, viễn thông, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, y tế, giáo dục, văn hóa): phần lớn cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh đều dễ bị tổn thương như: Mưa lớn thì gây sạt lở lộ giao thông, đe dọa các công trình y tế, giáo dục, điện, đường ven sông; dông lốc gây sập, tốc mái, hư hỏng các công trình công cộng.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 56 km đê biển Tây chưa được xây dựng kiên cố; số trạm bơm điều tiết nước chưa đảm bảo yêu cầu tiêu thoát nước trong điều kiện mưa lớn kéo dài, kết hợp triều cường dâng cao; có 78.295 nhà ở chưa đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai. (*Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo*)

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, được sửa đổi bổ sung năm 2020;

Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Cà Mau, ý kiến đóng góp của các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau.

2. Mục đích

Chủ động, kịp thời các phương án dự trữ, huy động vật tư, trang thiết bị, phương tiện, sẵn sàng ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản, hạn chế đến mức thiệt hại có thể xảy ra.

Linh hoạt trong tổ chức sản xuất, điều chỉnh mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thời tiết, thiên tai.

Kịp thời truyền tải thông tin dự báo, cảnh báo sớm, biện pháp ứng phó cùng với các thông điệp rõ ràng, hướng dẫn thực hiện các hành động cụ thể, dễ thực hiện.

3. Yêu cầu

Tuyên truyền sâu rộng, quán triệt cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện nghiêm túc Phương án này, đặc biệt là người dân trong việc chấp hành hướng dẫn, khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

Theo dõi chặt chẽ tình hình thực tế để kịp thời cập nhật, điều chỉnh linh hoạt các kịch bản ứng phó đảm bảo sát thực tế theo phương châm “04 tại chỗ”.

Thông tin, thông báo phải kịp thời, chỉ đạo thống nhất, đồng bộ, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ; Huy động, sử dụng các nguồn lực phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả.

III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM VÀ KỊCH BẢN ỨNG PHÓ

1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực, chủ động, kịp thời, hiệu quả trong công tác phòng, chống mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng theo các cấp độ rủi ro của các ngành, các cấp và người dân; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng gây ra trên địa bàn tỉnh.

Không để xảy ra thiệt hại về người do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng gây ra, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản.

2. Phương châm ứng phó với mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng

Triển khai thực hiện phương án ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng theo phương châm “04 tại chỗ” thực chất, hiệu quả, cụ thể:

2.1. Chỉ huy tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Một số nhiệm vụ của chỉ huy tại chỗ, đặc biệt là xã, phường, thị trấn, bao gồm:

- Phối hợp với các ngành, các tổ chức có liên quan thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện phương án, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc ở địa phương.

- Chỉ đạo việc huy động mọi nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng xảy ra.

- Tùy theo diễn biến của mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng mà người chỉ huy ra các mệnh lệnh phù hợp để ứng phó và trực tiếp chỉ huy việc thực hiện;
- Sau thiên tai chỉ đạo việc đánh giá tình hình thiệt hại và khắc phục hậu quả.

b) Đối với cơ quan quản lý về đê điều trong trường hợp xảy ra nước dâng tràn đê:

Phối hợp với chính quyền địa phương trong các hoạt động tuần tra, kiểm soát hệ thống đê điều, kịp thời xử lý sự cố và báo cáo cấp có thẩm quyền.

Chỉ đạo việc huy động mọi nguồn lực tại chỗ thuộc thẩm quyền, phối hợp với các lực lượng tại chỗ của địa phương triển khai xử lý giờ đầu đảm bảo hiệu quả.

c) Đối với hộ gia đình:

Dựa vào thông tin cảnh báo của các ngành chức năng và chính quyền địa phương, các dấu hiệu nhận biết về khả năng xảy ra mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng, mỗi hộ gia đình cần chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với thiên tai, phân công công việc cho các thành viên trong gia đình thực hiện chuẩn bị trước; Tuân thủ theo các hướng dẫn của chính quyền địa phương và chủ động hỗ trợ những người xung quanh nếu điều kiện cho phép.

2.2. Lực lượng tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Khi mưa lớn, lốc, sét, ngập úng, nước dâng xảy ra thì việc sử dụng các lực lượng sẵn có tại địa bàn để ứng cứu, hỗ trợ là nhanh nhất, hiệu quả nhất. Các lực lượng tại chỗ gồm dân quân, dân phòng, đoàn thanh niên, các đội xung kích, các lực lượng vũ trang, các đơn vị chuyên trách thường trực như bộ đội, công an đóng trên địa bàn. Các lực lượng này thường trực tại chỗ trước, trong và sau thiên tai và trực tiếp nhận lệnh từ người chỉ huy.

Nhiệm vụ của các lực lượng tại chỗ là chủ động phối hợp với lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và tập hợp lực lượng tại chỗ để thực hiện việc ứng phó khẩn cấp như:

- Tham gia di dời, sơ tán dân đến nơi an toàn.
- Hỗ trợ nhân dân chằng chống nhà cửa, thu hoạch nông sản, thủy sản để hạn chế thiệt hại.
- Tham gia cứu nạn, sơ cấp cứu cho người bị thương, đưa người bị thương đến các cơ sở y tế tập trung. Đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, thuốc men, chăm sóc sức khỏe.
- Tham gia ứng cứu khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai bị ảnh hưởng do mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng.
- Tham gia khắc phục hậu quả thiệt hại các công trình, nhà ở.

- Vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

- Rà soát, thống kê thiệt hại, đề xuất các cấp có thẩm quyền hỗ trợ khôi phục sản xuất, khôi phục đời sống nhân dân.

b) Đối với hộ gia đình:

Trong công tác phòng chống thiên tai, với các hộ gia đình thì lực lượng tại chỗ là những lao động chính, những người có sức khỏe, nhanh nhẹn đủ sức tham gia các hoạt động ứng phó thiên tai bảo vệ gia đình và sẵn sàng hỗ trợ chính quyền địa phương khi được huy động.

2.3. Phương tiện, vật tư tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư, vật dụng sẵn có tại địa phương để phục vụ công tác phòng, chống mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng, đảm bảo ứng cứu nhanh và kịp thời, giảm nhẹ tới mức thấp nhất những hậu quả do thiên tai gây ra.

Ngoài việc chuẩn bị vật tư do ngân sách nhà nước cấp, chính quyền địa phương cần tổ chức vận động trong nhân dân thực hiện phong trào nhà nước và nhân dân cùng làm (nhân dân đóng góp vật tư như cừ tràm, đất, bao tải, cát,...), ký kết các thỏa thuận huy động phương tiện, vật tư của doanh nghiệp, nhân dân phục vụ cho công tác ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng.

b) Đối với hộ gia đình:

Yêu cầu mỗi hộ gia đình phải chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư của gia đình (máy bơm, dây để chằng chống nhà, bao cát,...) nhằm tự đảm bảo sử dụng cho gia đình khi mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng xảy ra.

2.4. Hậu cần tại chỗ:

a) Đối với chính quyền địa phương:

Chủ động các phương án cung cấp lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, các nhu yếu phẩm cần thiết,... để cấp phát cho người dân, ưu tiên đối tượng bị tổn thương, theo nguyên tắc chung là cơ bản đáp ứng các yêu cầu phục vụ tại chỗ trong lúc khẩn cấp trước khi có sự cứu trợ từ bên ngoài.

b) Đối với hộ gia đình:

Từng hộ gia đình phải chuẩn bị đầy đủ các nhu yếu phẩm thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thuốc men,...theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, đảm bảo đủ dùng cho gia đình mình càng dài ngày càng tốt trước khi có sự cứu trợ.

3. Các kịch bản ứng phó mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt và nước dâng

3.1. Kịch bản 1: Mưa lớn kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

3.2. Kịch bản 2: Mực nước lũ cao (do ảnh hưởng bởi mưa kết hợp triều cường) từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm trên 01 lưu vực sông (Gành

Hào, Cửa Lớn, Ông Đốc, Đầm Dơi, Rạch Gốc) cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 1; từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1m tại các trạm trên 01 lưu vực sông và từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm trên nhiều lưu vực sông (Gành Hào, Cửa Lớn, Ông Đốc, Đầm Dơi, Rạch Gốc), cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 2; từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1,0m tại các trạm trên nhiều lưu vực sông (Gành Hào, Cửa Lớn, Ông Đốc, Đầm Dơi, Rạch Gốc), cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 3.

3.3. Kịch bản 3: Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ 1,0m đến 2,0 m cho khu vực ven biển Đông và ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 2 và độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 2,0 m đến 3,0 m cho khu vực ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 3.

IV. NỘI DUNG CÁC KỊCH BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Kịch bản 1

Mưa lớn kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

1.1. Bước 1: Xác định thời điểm ứng phó với mưa lớn kèm lốc, sét

Khi có dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ 1 đến 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã của tỉnh và khi có bản tin cảnh báo lốc, sét xảy ra trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã của tỉnh. Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn kèm theo lốc, sét cấp 1.

1.2. Bước 2: Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

1.3. Bước 3: Công tác ứng phó

a) Giai đoạn 1: Ngay từ khi có bản tin dự báo, cảnh báo về mưa lớn trên diện rộng kèm theo lốc, sét (giai đoạn triển khai các hành động sớm).

Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh: Ban hành Công văn về chủ động ứng phó với mưa lớn trên diện rộng kèm theo lốc, sét trên địa bàn tỉnh, bao gồm thông tin dự báo, cảnh báo mưa lớn kèm lốc, sét và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện các nội dung sau:

- Giao Văn phòng thường trực phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổ chức trực ban nghiêm túc đúng quy định, thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lốc, sét, kịp thời thông tin đến các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan để phục vụ chỉ đạo phòng tránh.

- Giao Đài Khí tượng Thủy văn Cà Mau tăng cường quan trắc, cụ thể hóa các bản tin dự báo, cảnh báo về mưa lớn, lốc, sét của trung ương sát với thực tế, trong đó lưu ý xác định các vùng trọng điểm có khả năng xảy ra thiên tai thông báo kịp thời đến các cấp, các ngành có liên quan và người dân để chuẩn bị ứng phó.

- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan Báo, Đài, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau, theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về tình hình mưa lớn, lốc,

sét, các nguy cơ do mưa lớn, lũ, sét có khả năng gây ra cho con người, nhà cửa, tài sản, sản xuất và các biện pháp phòng để các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư chủ động thực hiện.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương rà soát hướng dẫn người dân thực hiện chằng, chống nhà ở, công trình phòng, chống sập, đổ, ngã, tóc mái, kiểm tra hệ thống chống sét nhà ở, công trình có nguy cơ và khắc phục ngay nếu chưa đảm bảo.

Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp huyện: Triển khai văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh, trong đó lưu ý:

- Chỉ đạo Văn phòng thường trực phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cấp huyện thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, sét.

- Thông tin, truyền thông đến cấp xã; hướng dẫn các biện pháp ứng phó mưa lớn, lũ, sét trên các phương tiện truyền thông của cấp huyện.

- Rà soát các biện pháp đảm bảo an toàn cho người (bao gồm cả biện pháp di dời, sơ tán), nhà ở, tài sản, hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Lưu ý những hộ dân có nhà ở không đảm bảo an toàn, những khu vực sản xuất trũng thấp, để có giải pháp phù hợp.

- Chỉ đạo sẵn sàng lực lượng, phương tiện để hỗ trợ người dân chuẩn bị ứng phó mưa lớn, lũ, sét.

- **Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp xã:** Triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo của cấp trên; thực hiện tốt công tác truyền thông về tình hình mưa lớn, lũ, sét, các sự cố có thể xảy ra do mưa lớn, lũ, sét; rà soát quân số lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã sẵn sàng hỗ trợ người dân khi có tình huống.

- **Đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư:** Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo, hướng dẫn của các ngành chức năng và chính quyền địa phương về tình hình mưa lớn, lũ, sét, các dấu hiệu nhận biết về khả năng xảy ra các loại thiên tai này, đồng thời chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với thiên tai, phân công công việc cho các thành viên trong gia đình thực hiện chuẩn bị trước; tuyệt đối tuân thủ theo các hướng dẫn của chính quyền địa phương và chủ động hỗ trợ những người xung quanh nếu điều kiện cho phép.

b) Giai đoạn 2: Mưa lớn diện rộng kèm theo lũ, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1 (giai đoạn ứng phó).

Các ngành, các cấp tiếp tục thực hiện các nội dung phù hợp ở giai đoạn 1, đồng thời triển khai tốt các nội dung sau:

- **Cấp tỉnh:**

+ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời ban hành văn bản chỉ đạo ứng phó mưa lớn kèm lũ,

sét cấp độ rủi ro cấp 1 trên địa bàn tỉnh; đảm bảo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt, truyền tải kịp thời thông tin và xử lý kịp thời các tình huống khi xảy ra.

+ Các sở, ban, ngành tỉnh theo nhiệm vụ ngành triển khai thực hiện các phương án ứng phó của ngành mình, sẵn sàng chi viện cho các địa phương.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo đảm bảo tiêu thoát nước, chống ngập úng bảo vệ sản xuất, nhất là đối với vùng ngọt hóa huyện U Minh và Trần Văn Thời; tổ chức các đoàn kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu; cử cán bộ trực tiếp kiểm tra việc tuân tra, kiểm tra đê điều; chủ động vận hành hợp lý các trạm bơm, cống, đập, công trình phòng chống thiên tai khác có liên quan.

+ Các thành viên Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự các cấp theo nhiệm vụ được phân công phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương bám sát địa bàn, tham gia chỉ huy, chỉ đạo ứng phó phù hợp theo từng tình huống.

- Cấp huyện:

+ Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh và các chỉ đạo của cấp trên.

+ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp huyện triển khai thực hiện các phương án ứng phó của địa phương mình; đồng thời, chỉ đạo thông báo trên các phương tiện truyền thông về diễn biến tình hình mưa lớn, lốc, sét, thời gian, cường độ đang diễn ra, những vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về các loại hình thiên tai này; thông tin các biện pháp, chỉ đạo đến người dân ở khu vực bị ảnh hưởng; tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh, ứng phó.

+ Chỉ đạo, phân công thành viên Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp huyện phối hợp với Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp xã trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo ứng phó.

+ Chỉ đạo rà soát lực lượng tại chỗ của cấp huyện, sẵn sàng chi viện cho cấp xã khi có yêu cầu.

+ Chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp xã rà soát số hộ dân bị ảnh hưởng, số hộ cần di dời, sơ tán, đưa ra quyết định xử lý hoặc báo cáo xin ý kiến cấp trên nếu vượt thẩm quyền.

+ Chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp xã tính toán, bố trí số lượng lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, trang thiết bị phù hợp triển khai hỗ trợ người dân ứng phó, khắc phục hậu quả.

+ Chỉ đạo Văn phòng thường trực cấp huyện phối hợp với Phòng Nội vụ cấp huyện, chính quyền cấp xã thống kê tình hình thiệt hại, tổ chức thăm hỏi, thực hiện

các quy trình, thủ tục hỗ trợ kịp thời các trường hợp bị thiệt hại, ảnh hưởng thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý.

b3) Cấp xã:

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp huyện và các chỉ đạo của cấp trên.

Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp xã triển khai thực hiện các phương án ứng phó của địa phương mình; duy trì thường xuyên việc thông tin diễn biến tình hình mưa lớn, lốc, sét, thời gian, cường độ đang diễn ra, những vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về các loại hình thiên tai, các biện pháp ứng phó, các chỉ đạo đến người dân ở khu vực bị ảnh hưởng.

Cử lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, phối hợp với các lực lượng các lực lượng chỉ viện chỉ tỉnh, huyện và các lực lượng khác trên địa bàn trực tiếp hỗ trợ người dân ứng phó thiên tai, trong đó ưu tiên hỗ trợ cho các hộ dân khó khăn, gia đình người già, neo đơn và các đối tượng yếu thế, đối tượng dễ bị tổn thương; tổ chức di dời, sơ tán dân theo phương án đã phê duyệt (nếu có).

b4) Đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư:

Tiếp tục theo dõi chặt chẽ thông tin về diễn biến tình hình mưa lớn, lốc, sét; thực hiện đúng chỉ đạo, yêu cầu của chính quyền địa phương; chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho mọi người trong gia đình như kế hoạch đã định trước, sẵn sàng, chủ động giúp các hộ gia đình xung quanh gặp khó khăn trong khả năng.

2. Kịch bản 2

Mực nước lũ cao (do ảnh hưởng bởi mưa kết hợp triều cường) từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm trên 01 lưu vực sông (Gành Hào, Cửa Lớn, Ông Đốc, Đàm Dơi, Rạch Gốc) cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 1; từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1m tại các trạm trên 01 lưu vực sông và từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm trên nhiều lưu vực sông (Gành Hào, Cửa Lớn, Ông Đốc, Đàm Dơi, Rạch Gốc), cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 2; từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1,0m tại các trạm trên nhiều lưu vực sông (Gành Hào, Cửa Lớn, Ông Đốc, Đàm Dơi, Rạch Gốc), cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 3.

2.1. Bước 1: Xác định thời điểm ứng phó với ngập lụt

Khi có dự báo mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 3 cộng 1m tại các trạm trên 01 lưu vực sông và từ báo động 1 đến dưới báo động 3 cộng 1,0m tại các trạm trên nhiều lưu vực sông: Gành Hào, Cửa Lớn, Ông Đốc, Đàm Dơi, Rạch Gốc, cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 1-3.

2.2. Bước 2: Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

2.3. Bước 3: Công tác ứng phó

a) *Đối với thời điểm xảy ra ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1-2:*

Theo số liệu quan trắc lịch sử và tình hình thực tế trong thời gian qua thì trên địa bàn tỉnh chưa có nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của người dân. Vì vậy, những việc cần làm đối với các ngành, các cấp khi xảy ra trường hợp này là tập trung công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn người dân thường xuyên kiểm tra, gia cố bờ bao, khuôn hộ để bảo vệ sản xuất và chưa có các hoạt động ứng phó. Mặc dù vậy, cần tránh lơ là, chủ quan mà phải theo dõi sát các bản tin dự báo, cảnh báo mực nước lũ để kịp thời, chủ động triển khai thực hiện các phương án theo kịch bản cao hơn nếu có trường hợp đột xuất xảy ra.

b) *Đối với thời điểm xảy ra ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 3:*

Thực hiện công tác ứng phó 02 giai đoạn tương tự như đối với công tác ứng phó mưa lớn, lốc, sét tại mục 1.3, kịch bản 1, trong đó lưu ý các nội dung sau:

Về phạm vi ứng phó, chủ yếu tập trung ở 06 huyện ven biển gồm: Năm Căn, Ngọc Hiển, Phú Tân, Đầm Dơi, U Minh và Trần Văn Thời với nội dung trọng tâm là bảo vệ an toàn đê biển Tây, bờ bao, đê bao, khuôn hộ của các hộ dân nuôi trồng thủy sản.

Trong trường hợp triều dâng cao kết hợp với mưa lớn thì mở rộng phạm vi ứng phó đến tất cả các huyện, thành phố còn lại, lúc này ngoài những hoạt động ứng phó nêu trên thì sẽ phát sinh hoạt động phòng, chống ngập úng các vùng ngọt hóa.

Tùy theo phạm vi ảnh hưởng mà các đơn vị, địa phương có sự phân công chỉ huy, chỉ đạo và huy động nguồn lực ứng phó phù hợp với tình hình thực tế.

Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương cấm biển cảnh báo, hướng dẫn giao thông an toàn,... tại những địa điểm, đường giao thông bị ngập sâu để đảm bảo an toàn cho người dân.

3. Kịch bản 3

Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ 1,0m đến 2,0 m cho khu vực ven biển Đông và ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 2 và độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 2,0 m đến 3,0 m cho khu vực ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 3.

Đối chiếu mực nước dâng các cấp độ rủi ro thiên tai thấy rằng tương đương mực nước ngập lụt, vì vậy tại Kịch bản này triển khai thực hiện các bước tương tự như ở Kịch bản 2 tại mục 2. Riêng đối với công tác ứng phó với rủi ro thiên tai do nước dâng cấp độ 3 thì bổ sung các nhiệm vụ sau:

- Theo quy định, nước dâng là do nguyên nhân bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển và theo Kịch bản này lại có khả năng kết hợp triều nên mực nước dâng sẽ còn có khả năng dâng cao hơn và ở mức nguy hiểm hơn, đặc biệt là đối với đê biển Tây. Do đó, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối

hợp với chính quyền địa phương xây dựng phương án hộ đê biển Tây, trong đó lưu ý rà soát, xác định mức độ ưu tiên, thời điểm xử lý, phương pháp xử lý, phân bổ lực lượng, sử dụng phương tiện, vật tư...đảm bảo hiệu quả thực chất theo phương châm 04 tại chỗ, đặc biệt là công tác xử lý giờ đầu.

- Các lực lượng Quân sự, Biên phòng, Công an phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương có liên quan trong xây dựng, triển khai phương án hộ đê khi xảy ra sự cố, tuyệt đối không để vỡ đê.

- Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự các địa phương ven biển có đề chỉ đạo phân công Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp xã phân công lực lượng quản lý đê nhân dân phối hợp với các lực lượng quản lý đê chuyên trách của tỉnh thường xuyên tuần tra, kiểm tra đê để kịp thời phát hiện và xử lý giờ đầu hiệu quả khi có sự cố.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Phương án chung của tỉnh, từng sở, ngành, địa phương xây dựng phương án chi tiết để triển khai thực hiện, đồng thời, thường xuyên theo dõi thông tin dự báo mà có sự cập nhật, điều chỉnh một cách linh hoạt sát với tình hình thực tế để triển khai thực hiện.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau phải trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự của đơn vị, địa phương mình thực hiện nhiệm vụ theo từng phương án. Các thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh, cấp huyện và cấp xã thực hiện theo nhiệm vụ và địa bàn được phân công phụ trách.

3. Các tổ chức, cá nhân, lực lượng đóng trên địa bàn phải tuân thủ sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân – Trưởng ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự các cấp trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chế độ trực ban và thông tin, báo cáo theo quy định.

5. Về kinh phí thực hiện: Sử dụng kinh phí được giao đầu năm cho ngành, địa phương, đơn vị; Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Trường hợp phát sinh các nhiệm vụ đột xuất, khẩn cấp dẫn đến phát sinh kinh phí vượt khả năng cân đối từ nguồn kinh phí giao đầu năm của các ngành, địa phương, đơn vị và Quỹ phòng, chống thiên tai, các sở, ngành, địa phương, đơn vị lập dự toán gửi Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo khả năng cân đối ngân sách và Luật ngân sách Nhà nước.

6. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Phương án hàng năm, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân

tỉnh xem xét, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

7. Đối với việc phân công, phân cấp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng thực hiện theo đúng phân công tại phương án này, trong trường hợp các văn bản quy định có thay đổi thì thực hiện theo các văn bản mới.

Trên đây là nội dung Phương án ứng phó với mưa lớn, lốc, sét, ngập lụt, nước dâng theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2025 của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp &MT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục QLDD và PCTT (b/c);
- TB, P. TB BCH PCTT, TKCN&PTDS tỉnh;
- Thành viên BCHPCTT, TKCN&PTDS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TP. Cà Mau (t/h);
- CVP VPTT PCTT, TKCN tỉnh;
- Lưu: VT, PCTT (G).

TL. TRƯỞNG BAN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THỦY LỢI
Đỗ Minh Điền

Phụ lục I:
LỰC LƯỢNG THAM GIA ỨNG PHÓ MƯA LỚN, LỐC, SÉT, NGẬP LỤT, NƯỚC DÂNG
(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

TT	Lực lượng	TP. Cà Mau	H. Cái Nước	H. Phú Tân	H. Năm Căn	H. Ngọc Hiển	H. Thới Bình	H. U Minh	H. Trần V Thời	H. Đầm Dơi	Tổng cộng
1	Quân sự	295	20	20	18	20	20	24	23	22	462
2	Bộ đội Biên phòng			10	10	40		20	35	10	125
3	Công an	245	171	93	163	228	210	39	106	382	1.637
4	Y tế	104	162	45	128	67	50	36	140	173	905
5	Thanh niên tình nguyện	354	542	218	98				735		1.947
6	Doanh nghiệp huy động	721		24			253		42	92	1.132
7	Hội chữ thập đỏ	180	226	57	94	81	25	18	216	183	1.080
8	Hội nông dân		136	73							209
9	Cựu chiến binh		750	59							809
10	Lực lượng xung kích	1.388	1.182	854	175	693	325	240	327	334	5.518
11	Dân quân tự vệ	533	378	316	285	254	409	285	440	533	3.433
12	Dân huy động	470		405	347	110	359	250	1.240		3.181
13	Các ban ngành	60		63	263		309	60	173		928
14	Phản ứng nhanh	473		114	87			200	298		1.172
15	Cán bộ xã	565	375	217	320	252		80	481		2.290
Tổng		5.388	3.942	2.568	1.988	1.745	1.960	1.252	4.256	1.729	24.828

PHỤ LỤC II:
DANH MỤC HỆ THỐNG ĐÊ BAO, BỜ BAO

(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

TT	Tuyến đê bao, bờ bao	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Chiều dài đê bao, bờ bao		
			Triệt để	Thời vụ	Tổng
I	Huyện Trần Văn Thời			101.40	101.40
1	Đê Đông Kênh Xáng Thị Kẹo	Xã Phong Điền		5.20	5.20
2	Đê Tây Kênh Xáng Thị Kẹo	Xã Phong Điền		5.20	5,2
3	Đê Bắc Sông Ông Đốc	Xã Khánh Bình - TT. Sông Đốc		35.50	35,5
4	Đê Nam Sông Đốc	Xã Lợi An - TT.Sông Đốc		35.50	35,5
5	Đê Kênh Xáng Minh Hà	Xã Khánh Bình - Khánh Bình Tây Bắc		20.00	20,0
II	Huyện Phú Tân		36.00	99.56	135.56
6	Đê Vàm Đình - Cái Nước	Xã Phú Thuận		9.00	9.00
7	Đê Cái Nước - Trần Thới (QL 1A)	Xã Phú Thuận		8.00	8.00
8	Đê sông Cái Đôi Vàm	TT. Cái Đôi Vàm, Tân Hải, Phú Tân, Phú Mỹ		21.70	21.70
9	Đê sông Mỹ Bình	Xã Phú Tân, Phú Mỹ		9.50	9.50
10	Đê kênh Xáng Thọ Mai	Xã Phú Mỹ		3.00	3.00
11	Tuyến đê bao Mỹ Bình đến Cái Đôi Vàm	Xã Phú Tân, Tân Hải, Cái Đôi Vàm	14.20		14.20
12	Tuyến đê bao Cái Đôi Vàm đến kênh Năm	TT. Cái Đôi Vàm, Nguyễn Việt Khái, Rạch Chèo	21.80		21.80
13	Đê Mang Rổ - Phú Thuận	Xã Tân Hưng Tây		18.00	18.00
14	Đê Mang Rổ - Lộ Xe	Xã Việt Thắng		6.20	6.20
15	Tuyến bờ bao kênh Năm	Xã Rạch Chèo		4.69	4.69
16	Tuyến bờ bao kênh Sáu Hậu	Xã Nguyễn Việt Khái		2.37	2.37
17	Tuyến bờ bao kênh Số 1	Xã Phú Mỹ		3.63	3.63
18	Tuyến bờ bao kênh Ba	Xã Việt Thắng		2.63	2.63
19	Tuyến bờ bao sông Mang Rổ (từ cầu Kiến Vàng đến cầu Xẻo Vinh)	Xã Rạch Chèo		4.07	4.07
20	Tuyến bờ bao kênh Ngã Tư - Bào Thùng	Xã Nguyễn Việt Khái		1.43	1.43
21	Tuyến bờ bao kênh Tân Lập	Xã Nguyễn Việt Khái		1.36	1.36
22	Tuyến bờ bao kênh Ủy Ban	Xã Nguyễn Việt Khái		3.22	3.22
23	Tuyến bờ bao kênh Lô 1	TT. Cái Đôi Vàm		0.76	0.76
III	Huyện U Minh			25.57	25.57
24	Đê Đông sông cái Tàu	xã Khánh Thuận		8.45	8.45
25	Đê Tây sông cái Tàu	xã Khánh Thuận- Khánh Tiến		17.12	17.12
IV	Huyện Thới Bình			170.50	170.50

TT	Tuyến đê bao, bờ bao	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Chiều dài đê bao, bờ bao		
			Triệt để	Thời vụ	Tổng
26	Đê bao kênh Ranh Hạc	xã Tân Bằng, Biền Bạch, Biền Bạch Đông, Trí Lực, Trí Phải, Tân Phú		38.40	38.40
27	Đê bao Sông Bạch Ngưu	xã Hồ Thị Kỷ, Tân Lộc, Tân Phú		33.00	33.00
28	Đê bao Sông Chợ Hội	xã Trí Phải, Tân Phú		13.50	13.50
29	Đê bao Kênh Láng Trâm	xã Thới Bình, Tân Lộc, Tân Lộc Đông		21.40	21.40
30	Đê bao Kênh Tân Phong	xã Thới Bình, Tân Lộc, Tân Lộc Đông		16.00	16.00
31	Đê bao Kênh Kiểm	xã Tân Bằng, Biền Bạch, Biền Bạch Đông, Trí Lực, Trí Phải		17.80	17.80
32	Bờ bao Kênh Xáng Bình Minh	xã Thới Bình, Hồ Thị Kỷ		10.50	10.50
33	Bờ bao Kênh xáng Chắc Bàng	xã Trí Phải		7.00	7.00
34	Bờ bao Kênh Cái Sắn	xã Biền Bạch Đông		7.00	7.00
35	Bờ bao ô thủy lợi ấp 1, ấp 6	xã Tân Lộc		5.90	5.90
V	Huyện Cái Nước		4.00	47.49	51.49
36	Bờ bao tuyến Rau Dừa- Thị Tường	Xã Hưng Mỹ- xã Hòa Mỹ	4.00		4.00
37	Bờ bao tuyến Kênh Cái Giếng	Xã Tân Hưng		5.56	5.56
38	Bờ bao tuyến Bả Đá- Cái Muối	Xã Trần Thới		4.28	4.28
39	Bờ bao tuyến Lung Đầu Dừa	Xã Đông Thới		3.27	3.27
40	Bờ bao tuyến Kênh Lớn	Xã Đông Thới		3.52	3.52
41	Bờ bao tuyến Kênh Xáng Lộ Xe	Xã Trần Thới		1.46	1.46
42	Bờ bao tuyến Lộ Xe- Lung Lá	TT Cái Nước		1.65	1.65
43	Bờ bao tuyến Bào Vững ấp Tân Hoà	Xã Tân Hưng		4.70	4.70
44	Bờ bao tuyến Sông cái Cẩm	Xã Đông Hưng		1.65	1.65
45	Bờ bao tuyến Kênh Chà Là	Xã Đông Hưng		2.92	2.92
46	Bờ bao tuyến Kênh Nước Đục	Xã Hoà Mỹ		1.65	1.65
47	Bờ bao tuyến Kênh Địa Ao	Xã Tân Hưng		3.44	3.44
48	Bờ bao tuyến Phong Lưu- Chổng Mỹ	Xã Đông Hưng		4.51	4.51
49	Bờ bao tuyến Bùng Bình- Ba Tơ	Xã Hưng Mỹ		3.39	3.39
50	Bờ bao tuyến Cái Nước- Chà Là	Xã Đông Hưng		2.61	2.61
51	Bờ bao tuyến Kênh Tây- Kênh Ngang	Xã Phú Hưng		2.89	2.89

TT	Tuyến đê bao, bờ bao	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Chiều dài đê bao, bờ bao		
			Triệt để	Thời vụ	Tổng
VI	Huyện Đầm Dơi		61.78	16.64	78.42
52	Đê bao từ kênh Khâu Mét đến sông Muơng Đường	Tạ An Khương, Tạ An Khương Đông	17.25	9.60	26.85
53	Tuyến đê bao kênh Thầy Chương, kênh Lung Gạo, kênh Cây Kè	Tân Duyệt	4.85		4.85
54	Tuyến đê bao kết hợp lộ giao thông từ kênh Thầy Chương đến Cây Kè	Tân Duyệt	11.00		11.00
55	Tuyến đê bao kết hợp lộ giao thông từ Cầu Cái Bát đến kênh Lô III	Tân Dân	8.50		8.50
56	Tuyến bờ bao kênh Lung Đước	Trần Phán		2.18	2.18
57	Tuyến bờ bao kênh Sáu Đông	TAK Nam	2.01		2.01
58	Tuyến bờ bao kênh Đồng Gò - Xóm Lá	Ngọc Chánh		4.86	4.86
59	Tuyến bờ bao kênh Ký Thuật	TAK Đông	3.72		3.72
60	Tuyến bờ bao sông Cây Dừa	Tân Đức	2.21		2.21
61	Tuyến bờ bao Lung Dừa - Lung Sậy	TAK Đông	5.42		5.42
62	Tuyến bờ bao Rạch Sao - Lung Cá Kèo	Tân Duyệt	1.64		1.64
63	Tuyến bờ bao Bưư Điện Bào Hầm	Quách Phẩm	5.18		5.18
VII	Huyện Năm Căn			157.31	157.31
64	Bờ bao Rạch Sapô	TT Năm Căn		2.51	2.51
65	Bờ bao Kênh Xáng Nhà Đền	TT Năm Căn		3.50	3.50
66	Bờ bao Rạch Phi Xăng - Rạch Tắc Năm Căn	TT Năm Căn		4.70	4.70
67	Bờ bao Rạch Ông Tinh	TT Năm Căn		1.70	1.70
68	Bờ bao Kênh Cựu Chiến Bình - Bông Súng	Xã Tam Giang		4.30	4.30
69	Bờ bao Rạch Bến Dừa Ngọn	Xã Tam Giang		4.30	4.30
70	Bờ bao Rạch Xeo Xu	Xã Tam Giang		5.50	5.50
71	Bờ bao Kênh Ba Thước	Xã Tam Giang		4.00	4.00
72	Bờ bao Kênh Ông Đơn	Xã Tam Giang		3.50	3.50
73	Bờ bao Rạch Nhà Giảng	Xã Tam Giang		4.80	4.80
74	Bờ bao Kênh Cây Mắm (bờ Đông)	Xã Tam Giang		2.50	2.50

TT	Tuyến đê bao, bờ bao	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Chiều dài đê bao, bờ bao		
			Triệt để	Thời vụ	Tổng
75	Bờ bao Rạch Cây Đông – Nhà Hội	Xã Tam Giang		5.00	5.00
76	Bờ bao Rạch Cà Đuốc	Xã Tam Giang		7.00	7.00
77	Bờ bao Kênh Xáng (Hai bên bờ)	Xã Tam Giang		3.20	3.20
78	Bờ bao Rạch Sỏi Xu – Bến Dừa	Xã Tam Giang		3.30	3.30
79	Bờ bao Kênh Ông Trí	Xã Tam Giang		1.20	1.20
80	Bờ bao Kênh Xèo Bá	Xã Tam Giang Đông		1.60	1.60
81	Bờ bao Vàm Bực Lở	Xã Tam Giang Đông		4.80	4.80
82	Bờ bao Kênh Vôi Vàm	Xã Tam Giang Đông		1.80	1.80
83	Bờ bao tuyến Kênh Xáng 12	Xã Tam Giang Đông,		1.20	1.20
84	Bờ bao Kênh Xáng Tái Định Cu250	Xã Tam Giang Đông,		3.50	3.50
85	Bờ bao Kênh Xáng12	Xã Tam Giang Đông,		2.30	2.30
86	Bờ bao Kênh Ông Hiếu	Xã Tam Giang Đông,		2.60	2.60
87	Bờ bao Kênh 132	Xã Tam Giang Đông,		2.80	2.80
88	Bờ bao Rạch Ông Tà - Ông Do (Bờ Nam)	Xã Đất Mới		2.80	2.80
89	Bờ bao Rạch Ông Do (Bờ Bắc)	Xã Đất Mới		4.30	4.30
90	Bờ bao Rạch Bùi Mất - Bảy Háp	Xã Đất Mới		3.30	3.30
91	Bờ bao Kênh Tắc Năm Căn	Xã Đất Mới		4.60	4.60
92	Bờ bao Rạch Cây Thơ	Xã Đất Mới		1.60	1.60
93	K. Xóm Mới	Xã Đất Mới		3.60	3.60
94	Ngọn Kênh 5	Xã Đất Mới		2.80	2.80
95	Rạch Ông Kiểng	Xã Đất Mới		3.90	3.90
96	Ngọn Kênh Cốc	Xã Đất Mới		4.30	4.30
97	Bờ bao ven Kênh Xáng Cái Ngay	Xã Hàm Rồng- Hàng Vịnh		11.00	11.00
98	K. 5 Trung- 10 Gió	Xã Hàm Rồng		1.30	1.30
99	Bờ bao Rạch Xèo Sọ (Bờ Đông)	Xã Lâm Hải		3.50	3.50
100	Bờ bao Rạch Xèo Lớn	Xã Lâm Hải,		3.70	3.70
101	Bờ bao Rạch Chùng Kẹt	Xã Lâm Hải		2.50	2.50
102	Bờ bao Rạch Nà Lớn	Xã Lâm Hải		6.30	6.30
103	Bờ bao Rạch Vàm Chùng - Ông Gầy	Xã Lâm Hải		5.80	5.80
104	Bờ bao Rạch Cá Nâu	Xã Lâm Hải		2.50	2.50
105	Bờ bao Kênh 3	Xã Hiệp Tùng		3.40	3.40

TT	Tuyến đê bao, bờ bao	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Chiều dài đê bao, bờ bao		
			Triệt để	Thời vụ	Tổng
106	Bờ bao ven Kênh Xáng Cái Ngay	Xã Hiệp Tùng		4.50	4.50
VIII	Huyện Ngọc Hiển			123.12	123.12
107	Bờ bao kênh Ba	TT Rạch Gốc		0.44	0.44
108	Bao tuyến kênh Hồ	TT Rạch Gốc		3.26	3.26
109	Bờ bao khu dân cư từ cầu nhà Diêu đến nhà Ông Đầu	Tân Ân		1.11	1.11
110	Bờ bao chống tràn khu dân cư Ô Rô	Tân Ân		1.23	1.23
111	Bờ bao tuyến kênh Thầy Đội	Tam Giang Tây		6.08	6.08
112	Bờ bao tuyến Rạch Ông Thuộc	Viên An		5.19	5.19
113	Bờ bao Sông Rạch Gốc	TT Rạch Gốc		1.74	1.74
114	Bờ bao tuyến Đốc Neo	Viên An Đông		2.60	2.60
115	Bờ bao tuyến Rạch Bà Bường	Tân Ân Tây		9.35	9.35
116	Bờ bao tuyến Rạch Cá Đuối	Đất Mũi		3.38	3.38
117	Bờ bao tuyến Rạch Cá Dồ	Viên An Đông		6.78	6.78
118	Bờ bao tuyến Kênh Ba	Viên An Đông		9.04	9.04
119	Bờ bao tuyến Rạch Láng Tròn	Viên An Đông		5.72	5.72
120	Bờ bao tuyến Kênh Ráng	Viên An Đông		5.96	5.96
121	Bờ bao tuyến Rạch Bà Bường	Tam Giang Tây		6.40	6.40
122	Bờ bao tuyến Rạch Cà Nảy Nhỏ	Tam Giang Tây		7.22	7.22
123	Bờ bao tuyến Rạch Ông Linh	Viên An		2.69	2.69
124	Bờ bao tuyến Kênh Bào Cá Rô	Tam Giang Tây		4.98	4.98
125	Bờ bao tuyến Rạch Xí Nghiệp	Tam Giang Tây		2.58	2.58
126	Bờ bao tuyến Rạch Cây Me	Viên An		9.33	9.33
127	Bờ bao tuyến Rạch Ba Đình	Đất Mũi		1.91	1.91
128	Bờ bao tuyến Rạch Ông Nờ	Tân Ân Tây		5.46	5.46
129	Bờ bao tuyến Kênh Biện Nhạn	Viên An Đông		10.94	10.94
130	Bờ bao tuyến Rạch Xéo Lá	Viên An Đông		9.73	9.73
IX	TP. Cà Mau		48.20	54.93	103.13
131	Tuyến sông Cà Cù, Bạch Ngưu	Ấp 4, xã An Xuyên	4.40	0.00	4.40
132	Tuyến sông Bàu Thúi, Ô Rô	Ấp 6, xã An Xuyên	5.40	0.00	5.40
133	Tuyến sông Ô Rô, Phụng Hiệp	Ấp 8, ấp Tân Hiệp, ấp Tân Thuộc, xã An Xuyên	12.60	0.00	12.60
134	Tuyến sông Ô Rô, Phụng Hiệp	Ấp Tân Dân, ấp Tân Thời, xã An Xuyên	9.30	0.00	9.30
135	Cầu Rông-Cầu Giồng Nổi	Ấp Tân Hoá A, ấp Hoà Trung, ấp Hoà Nam, xã Hoà Thành	6.40	0.00	6.40
136	Tuyến Kênh Xáng Lương Thế Trân	Ấp Chánh, ấp Bào Sơn, ấp Tân Hưng, ấp Lung Dừa, ấp Ông Muộn, xã Lý Văn Lâm	2.80	3.70	6.50
137	Tuyến Đê Sông Gành Hào	Ấp Thạnh Điền, ấp Chánh, xã Lý Văn Lâm	4.50	0.00	4.50

TT	Tuyến đê bao, bờ bao	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Chiều dài đê bao, bờ bao		
			Triệt để	Thời vụ	Tổng
138	Tuyến Sông Rạch Rập	Ấp Xóm Lớn, ấp Tân Hưng, xã Lý Văn Lâm	0.00	9.20	9.20
139	Tuyến Sông Láng Bà	Ấp Ông Muộn, xã Lý Văn Lâm	0.00	2.70	2.70
140	Bờ bao Ô Thuỷ lợi	Ấp 4, xã Tắc Vân	2.80	0.83	3.63
141	Đê Sông Gành Hào (Giồng Nổi-Láng Cát-Cái Su)	Ấp Cái Su, ấp Gành Hào 1, ấp Gành Hào 2, ấp Hoà Đông, xã Hoà Tân	0.00	15.00	15.00
142	Bờ bao ven Kênh Xáng Phụng Hiệp	Khóm 6, phường Tân Thành	0.00	2.00	2.00
143	Tuyến Sông Giồng-Bạch Ngưu	Khóm 1, khóm 2, khóm 5, phường Tân Xuyên	0.00	9.00	9.00
144	Tuyến Kênh Cái Giữa-Kênh Thầy Phó	Khóm 2, khóm 3, phường Tân Xuyên	0.00	4.40	4.40
145	Tuyến Kênh Nàng Huy	Khóm 3, khóm 4, phường Tân Xuyên	0.00	3.00	3.00
146	Tuyến Kênh Phụng Hiệp-Kênh Mới	Khóm 3, khóm 4, phường Tân Xuyên	0.00	5.10	5.10
TỔNG CỘNG			149.978	796.517	946.495

Phụ lục III:**DANH MỤC CÔNG THỦY LỢI ĐIỀU TIẾT NƯỚC**

(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tiểu vùng	Khẩu độ B (m)	Số cửa	Cao trình đáy cống	Ghi chú
1	Cống Bảy Mến	Xã Định Bình, TP. Cà Mau	VII-Nam Cà Mau	6.6	1	-1	
2	Cống Tắc Vân	Xã Tắc Vân, TP. Cà Mau	Quản lộ Phụng Hiệp	5	1	0	
3	Cống Cà Mau	Phường 5, TP. Cà Mau	Quản lộ Phụng Hiệp	8.5	2	0	
4	Cống Xã Đát	Xã Hòa Tân, TP. Cà Mau	Quản lộ Phụng Hiệp	10	1	0	
5	Cống Bảy Tháo	Xã Định Bình, TP. Cà Mau	VII-Nam Cà Mau	10.5	1	-2.5	
6	Cống Ổ Ổ	Xã Định Bình, TP. Cà Mau	VII-Nam Cà Mau	6	1	-2.5	
7	Cống Đôi	Phường 6, TP. Cà Mau	VII-Nam Cà Mau	6	1	-2.5	
8	Cống Cầu Nhum	Phường 6, TP. Cà Mau	VII-Nam Cà Mau	8	1	-2.5	
9	Cống Cái Ngang	Xã Định Bình, TP. Cà Mau	VII-Nam Cà Mau	4.5	1	-2.5	
10	Cống Thọ Bưởi	Xã Định Bình, TP. Cà Mau	VII-Nam Cà Mau	8.5	1	-2.5	
11	Cống Kênh Hăng	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
12	Cống Đá	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
13	Cống Phú Lý	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
14	Cống Xã Thuận	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
15	Cống Kênh Tư	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	0	
16	Cống Sáu Thước	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
17	Cống Số 2	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
18	Cống Ông Bích Nhỏ	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
19	Cống Lung Bạ	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
20	Cống Phạm Kiệt	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
21	Cống Mương Cui	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
22	Cống Trảng Cò	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	0	
23	Cống Cà Giữa	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
24	Cống Rạch Bào	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
25	Cống Chồn Gầm	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	0	
26	Cống Đường Ranh	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	0	

27	Cổng Phát Thạnh	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	-2	
28	Cổng Ba Tinh	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	0	
29	Cổng Kênh Mới	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2.5	
30	Cổng Hội Đồng Thành	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	7.5	1	0	
31	Cổng Minh Hà	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	10	1	-2.2	
32	Cổng Đá Bạc	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	16	2	-2.5	
33	Cổng Bảy Ghe	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	0	
34	Cổng Rạch Lùm	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	10	1	-2.5	
35	Cổng Công Nghiệp	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	10	1	-2.5	
36	Cổng Kênh Tư	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2.5	
37	Cổng Sông Đốc 5	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	8	1	0	
38	Cổng SĐ 7 (Lung Thuộc)	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	5	1	0	
39	Cổng Sào Lưới	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	10	1	-2.5	
40	Cổng SĐ 6 (Đường Cuốc)	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	8	1	0	
41	Cổng Rạch Nhum	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2.5	
42	Cổng Rạch Cui	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	7.5	1	-2.5	
43	Cổng Hai Sĩ Đông	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	
44	Cổng Hai Sĩ Tây	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	
45	Cổng Kênh Cũ 2	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	0	
46	Cổng Già Đông Đông	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	
47	Cổng Già Đông Tây	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	
48	Cổng Đá Bắc	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	0	
49	Cổng Sườn 2	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2.5	
50	Cổng Sườn 1	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	0	
51	Cổng Bia Đỏ	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2.5	
52	Cổng Tham Troi	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	10	1	-2.5	
53	Trù Thuật Bắc	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	0	1	0	
54	Cổng Ông Bích Lớn	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5.5	1	-2.5	
55	Cổng Cây Táo Đông	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	
56	Cổng Bà Kẹo Tây	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	
57	Cổng Cây Táo Tây	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	
58	Cổng Kênh Cũ 1	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	0	
59	Cổng SĐ3 (Xẻo Giá)	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	8	1	0	
60	Cổng Đường Ranh Đông	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	
61	Cổng SĐ1 (Rạch Rầy)	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	8	1	0	
62	Cổng Bà Kẹo Đông	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2	

63	Cổng Kênh Đứng	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	8	1	-2.5	
64	Cổng Đường Ranh Tây	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	8	1	-2	
65	Cổng Rạch Bần	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	10	1	0	
66	Cổng Chổng Mỹ 1	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	0	
67	Cổng Tư Còn	Xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	0	
68	Cổng Rạch Ruộng	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	7.5	1	-2.5	
69	Cổng Rạch Ráng	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	12	1	-2.5	
70	Cổng Kênh Giữa	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
71	Lộ Xe 3 (Bang Lớn)	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	5	1	-2	
72	Cổng Sườn 3	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	8	1	-2.5	
73	Cổng Sườn 4	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	4	1	-2.5	
74	Cổng Hợp Tác Xã	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	4	1	-2	
75	Cổng 30/4	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	II - Bắc Cà Mau	6	1	-2	
76	Cổng 1/5	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	6	1	-2	
77	Cổng Súa Đũa	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	5	1	-2.5	
78	Cổng Trùm Thuật Nam	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	III-Bắc Cà Mau	0	1	0	
79	Cổng Chủ Ân	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	8.5	1	-2.2	
80	Cổng Rạch Lãng	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5.5	1	-2.2	
81	Cổng Công Điền	Xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	5	1	-2	
82	Cổng Lung Trường	Xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	10	1	-2.3	
83	Cổng Kênh 3	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	-2.2	
84	Cổng Kênh 4	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	-2.2	
85	Cổng Chổng Mỹ 2	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	-2.2	
86	Cổng Bà Xã	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5.4	1	-2.25	
87	Cổng Năm Thâu	Xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	-2	
88	Cổng Kênh 2	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	-2	
89	Cổng Chổng Mỹ 2-2	Xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	10	1	-2.5	
90	Cổng Rạch Lãng 2	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	III - Nam cà Mau	5	1	-2	
91	Cổng Năm Hanh	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	6	1	-2.2	
92	Cổng Cỏ Xước	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	6	1	-2.2	
93	Cổng Ông Tự	Huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	15	1	-2.5	
94	Cổng Phát Thạnh	Huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	10	1	-2.5	
95	Cổng Công Nghiệp	Huyện Trần Văn Thời	II - Nam Cà Mau	3	1	-2.2	
96	Cổng Bạch Ngưu	Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình	Quản lộ Phụng Hiệp	6	1	0	
97	Cổng Đường Xuông	Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình	Quản lộ Phụng Hiệp	5	1	0	
98	Cổng Thị Phụng	Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình	Quản lộ Phụng Hiệp	2.5	1	0	

99	Cổng Ông Hương	Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình	Quản lộ Phụng Hiệp	2.5	1	0	
100	Cổng Hiệp Hải	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	7.5	2	0	
101	Cổng Tam Bô	Xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	8	1	0	
102	Cổng Khâu Mét	Xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	10	3	0	
103	Cổng Ký Thuật	Xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	10	2	0	
104	Cổng Bảy Thi	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	Ô Tân Duyệt	8	1	-2.5	
105	Cổng Chín Chài	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	Ô Tân Duyệt	4	1	-2	
106	Cổng Miên	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	Ô Tân Duyệt	4	1	-2	
107	Cổng Kênh Lý	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	Ô Tân Duyệt	8	1	-2.5	
108	Cổng Lô 21	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVIII	8	1	-2.5	
109	Cổng Cà Kiến	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVIII	8	1	-2.5	
110	Cổng Lò Gạch	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVIII	8	1	-2.5	
111	Cổng Lô II (Lô III)	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVIII	8	1	-2.5	
112	Cổng Hai Dưng	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	Ô Tân Duyệt	4	1	-2.5	
113	Cổng Sáu Thước	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVIII	8	1	-2.5	
114	Cổng Lô 3	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVIII	10	1	-2.5	
115	Cổng Xóm Rẫy	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVIII	3	1	-2.5	
116	Cổng Hai Hạt	Xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	7.5	2	-3	
117	Cổng Chà Là	Xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	10	1	0	
118	Cổng Học Môn	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	10	2	-3	
119	Cổng Quảng Lỗi	Xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	10	1	-3	
120	Cổng Dân Quân	Xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	7.5	2	0	
121	Cổng Mương Đường	Huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	10.5	1	-3	
122	Cổng Bảy Thi - kênh ngang	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	Ô Tân Duyệt	10	1	0	
123	Cổng Voi Chùa	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	0		0	
124	Cổng Miếu Thiết	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVII	10	2	-3	
125	Cổng Lung Cá Kèo	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	Tiểu vùng XVIII	10.5	1	-2.5	
126	Cổng Lung Cá Kèo 1	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	Ô Tân Duyệt	10.5	1	-2.5	
127	Cổng Hàng Dừa	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	Ô Tân Duyệt	8.5	1	-2.5	
128	Cổng Láng Tượng	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	6	1	-2.2	
129	Cổng Lung Dừa	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	5	1	-2.5	
130	Cổng KG2	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	10	1	0	
131	Cổng Cà Đai	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	Tiểu vùng X	3	1	-1.5	
132	Cổng Huế Hải	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	Tiểu vùng X	3	1	-1.5	
133	Cổng Bà Chủ	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	Tiểu vùng X	3	1	-1.5	
134	Cổng Cây Giá	Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	Tiểu vùng X	3	1	-1.5	

135	Cổng Cái Chim	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	Tiểu vùng X	3	1	-2	
136	Cổng Cây Dương	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	Tiểu vùng X	3	1	-2	
137	Cổng Tư Tả	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	Tiểu vùng X	3	1	-1.5	
138	Cổng Bào Chấu	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	Tiểu vùng X	30	1	-4	
139	Cổng Ba Tô	Xã Hoà Mỹ, huyện Cái Nước	III - Nam Cà Mau	5.4	1	-2.25	
140	Cổng Nước Đục	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước	III - Nam Cà Mau	5.4	1	-2.25	
141	Cổng Rau Dừa	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước	III - Nam Cà Mau	5.4	1	-2	
142	Cổng Quang Đàm	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước	III - Nam Cà Mau	5.4	1	-2.2	
143	Cổng Mô Om	Xã Hoà Mỹ, huyện Cái Nước	III - Nam Cà Mau	5	1	-2	
144	Cổng Biện Trảng	Xã Hoà Mỹ, huyện Cái Nước	III - Nam Cà Mau	5	1	-2	
145	Cổng Bàu Trà	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước	III - Nam Cà Mau	3	1	-2	
146	Cổng Kênh Cùng	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	6	1	-2.2	
147	Cổng Rạch Mũi	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	10	1	-2.2	
148	Cổng Kênh Chệt	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	6	1	-2.2	
149	Cổng Bộ Phát	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	6	1	-2.2	
150	Cổng Giáo Mậu	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	10	1	-2.2	
151	Cổng Kênh Cống	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	8	1	-2.2	
152	Cổng Sáu Do	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	2	1	-1	
153	Cổng Tư Hội	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	2	1	-1	
154	Cổng Xã Hùng	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	4	1	-2.2	
155	Cổng Hở	Huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	2	1	-1	
156	Cổng Cái Rắn	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	15	1	-2.5	
157	Cổng Bảy Phong	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	2	1	-1.5	
158	Cổng Ngã Tư	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	10	1	-2.5	
159	Cổng Bộ Tời	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	4	1	-2.2	
160	Cổng Lung Môn	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	6	1	-2.2	
161	Cổng Sáu Lá	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	II - Nam Cà Mau	8	1	-2.2	
162	Cổng Kênh Giữa	Xã Khánh An, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
163	Cổng Kênh Ranh	Xã Khánh An, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
164	Cổng Rạch Giếng	Xã Khánh An, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	2.5	1	-2.5	
165	Cổng T23-17	Xã Khánh An, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	7.5	1	0	
166	Cổng Rạch Dinh	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	5.5	1	0	
167	Cổng Biện Nhị	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	10	3	0	
168	Cổng Lung Ranh	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	5.6	1	0	
169	Cổng T29	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	8	1	-2.5	
170	Cổng Tiểu Dừa	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	7.9	1	-2.5	

171	Cổng T21	Xã Khánh An, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	10	1	-3.5	
172	Cổng Hương Mai	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	10	1	-2.5	
173	Cổng Kênh Xáng Mới	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	10	1	0	
174	Cổng T25	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	II - Bắc Cà Mau	0		0	
175	Cổng Rạch Cái Nước Biển	Xã Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.5	
176	Cổng Công Nghiệp (CĐV)	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	12	1	-2.5	
177	Cổng So Đũa Nhỏ	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	8	1	-2.5	
178	Cổng Cái Cắm (giáp Cái Đồi Vàm-Ba Tiệm)	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	12	1	-2.5	
179	Cổng Tân Điền	Huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.2	
180	Cổng Thanh Bình	Xã Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	6	1	-2	
181	Cổng Lô II, 3	Xã Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.2	
182	Cổng Kết Nghĩa	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.2	
183	Cổng Cái Cắm (giáp đê biển Tây)	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	12	1	-3	
184	Cổng Kênh số 1 (giáp Mỹ Bình)	Huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	10	1	-2.5	
185	Cổng Sáu Thọ	Xã Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.2	
186	Cổng Cái Nước Biển	Thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.5	
187	Cổng Kênh Đứng	Xã Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.2	
188	Cổng Tự Lực	Xã Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.2	
189	Cổng Nội Đồng	Xã Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	6	1	-2.2	
190	Cổng Lung bốn 2	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	8	1	-2.5	
191	Cổng Xẻo Dẹp	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	3	1	-2	
192	Cổng Cà Nảy	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	10	1	-2.5	
193	Cổng So Đũa Lớn	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	4	1	-2.5	
194	Cổng Mỹ Hưng	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.2	
195	Cổng Xẻo Xây	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	6	1	-2.5	
196	Cổng Trâm Bàu	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	2.5	1	-1.5	
197	Cổng Mây Dốc	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	3	1	0	
198	Cổng Vàm Đình	Huyện Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	20	1	-4	
199	Cổng Mười Hồ	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	6	1	-2	
200	Cổng Kênh Cù	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	4.5	1	-2	
201	Cổng Lung Tràm	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	8	1	-2.5	
202	Cổng Bò Đề	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	4.5	1	-2	
203	Cổng Má Tám	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	10	1	-2	

204	Cổng Xẻo Su	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	5	1	-2	
205	Cổng Lung Bồn 1	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	6	1	-2.2	
206	Cổng Xẻo Thàng	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	Tiểu vùng X	4.5	1	-2	
207	Cổng Công Nghiệp (Đê biển Tây)	Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	12	1	-2.5	
208	Cổng Cái Bát (Kênh Lô III)	Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	6	1	-2.2	
209	Cổng Kênh số 1 (giáp CĐV - Ba Tiệm)	Huyện Phú Tân, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	10	1	-2.5	
210	Cổng Kênh Lô I	Huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	0	
211	Cổng Kênh Lô II	Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	0	
212	Cổng Láng Cháo	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	0	
213	Cổng Hai Tích	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	8	1	-2.2	
214	Cổng Rạch Vọp	Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân	Tiểu vùng V	4	1	0	

PHỤ LỤC IV:
DANH MỤC TRẠM BƠM ĐIỀU TIẾT NƯỚC

(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

STT	Tên trạm	Địa điểm xây dựng	Số máy	Lưu lượng bơm (m3/h/máy)	Tổng lượng bơm (m3/h/máy)	Hình thức lắp đặt	Ghi chú
1	Trạm bơm Cống Đá 3	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	2	5.500	11.000	Nhà trạm	
2	Trạm bơm Ông Bích Nhỏ	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	2	5.500	11.000	Nhà trạm	
3	Trạm bơm Tham Trơi	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	3	5.500	16.500	Nhà trạm	
4	Trạm bơm Rạch Nhum	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	4	5.500	22.000	Nhà trạm	
5	Trạm bơm Lung Bạ	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	2	5.500	11.000	Nhà trạm	
6	Trạm bơm Ông Bích Lớn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	2	5.500	11.000	Nhà trạm	
7	Trạm bơm Lễ Quyền	Xã Lý Văn Lâm, Thành Phố Cà Mau	4	2.500	10.000	Nhà trạm	
8	Trạm bơm Kênh Giữa	Xã Lý Văn Lâm, Thành Phố Cà Mau	4	2.500	10.000	Nhà trạm	
9	Trạm bơm Kênh Huế	Xã Lý Văn Lâm, Thành Phố Cà Mau	2	5.500	11.000	Phao thuyền	
10	Trạm bơm Cống Đá 2	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	2	5.500	11.000	Nhà trạm	
11	Trạm bơm Minh Hà	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	1	12.000	12.000	Nhà trạm	
12	Trạm bơm Cái Cùmg	Xã An Xuyên, Thành Phố Cà Mau	2	2.500	5.000	Nhà trạm	
13	Trạm bơm Cây Me	Xã An Xuyên, Thành Phố Cà Mau	3	2.500	7.500	Nhà trạm	
14	Trạm bơm Ông Ký	Xã An Xuyên, Thành Phố Cà Mau	2	2.500	5.000	Nhà trạm	
15	Trạm bơm Bào Luôn	Xã An Xuyên, Thành Phố Cà Mau	3	2.500	7.500	Nhà trạm	
16	Trạm bơm Năm Ngại	Xã Lý Văn Lâm, Thành Phố Cà Mau	3	2.500	7.500	Nhà trạm	
17	Trạm bơm Ba Yên	Xã Lý Văn Lâm, Thành Phố Cà Mau	3	2.500	7.500	Nhà trạm	
18	Trạm bơm Ấp 1,6	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	2	2.500	5.000	Nhà trạm	
19	Trạm bơm Trung tâm giống	Huyện U Minh	1	2.500	2.500	Nhà trạm	
20	Trạm bơm Cựa Gà	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	2	2.500	5.000	Nhà trạm	
21	Trạm bơm Bộ Mào	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	2	2.500	5.000	Nhà trạm	
22	Trạm bơm Rạch Bào	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	5	2.500	12.500	Nhà trạm	
23	Trạm bơm Đường Ranh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	1	2.500	2.500	Nhà trạm	
24	Trạm bơm Cống Đá 1	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	5	1250-2500	10.000	Phao thuyền	

PHỤ LỤC V:
CÁC ĐOẠN ĐÊ BIỂN TÂY ĐÃ NÂNG CẤP

(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

STT	ĐOẠN ĐÊ	CHIỀU DÀI (m)	GHI CHÚ
1	Hương Mai ÷ Tiểu Dừa	14.635	
2	Sông Đốc ÷ Bờ Hai Kinh	3.427	
3	Bờ Hai Kinh ÷ Bảy Ghe	1.300	
4	Bảy Ghe ÷ Kênh Mới	6.069	
5	Kênh Mới ÷ Đá Bạc	4.226	
6	Đá Bạc ÷ Sào Lưới	3.700	
7	Sào Lưới ÷ Ba Tĩnh	5.400	
8	Ba Tĩnh ÷ T25	2.662	
9	T25 ÷ T29	4.123	
10	T29 ÷ Khánh Hội	3.473	
11	Đê đoạn vòng qua cống Đá Bạc (phía bờ Nam)	1.175	
12	Đê đoạn vòng qua cống Đá Bạc (phía bờ Bắc)	1.162	
TỔNG		51.352	

PHỤ LỤC VI:**DANH SÁCH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ, THỦY PHỤC VỤ DI DỜI, SƠ TÁN DÂN KHI CÓ NƯỚC DÂNG***(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)*

TT	Đơn vị	Tuyến đường giao thông chính	
		Tuyến đường bộ	Tuyến đường thủy
I	THÀNH PHỐ CÀ MAU		
1	Phường 1	Đường Lý Văn Lâm	Sông Cà Mau - Tắc Thù
2	Phường 2	Đường Lý Bôn	Sông Cà Mau - Tắc Thù; Sông Quản lộ - Phụng Hiệp
3	Phường 2	Đường Lâm Thành Mậu, đường Lý Bôn	Sông Quản lộ - Phụng Hiệp
4	Phường 5	Đường Trần Hưng Đạo	Sông Quản lộ - Phụng Hiệp
5	Phường 6	Quốc Lộ 1A	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu; Kênh Cầu Nhum; Kênh Cống Đồi
6	Phường 7	Đường An Dương Vương	Sông Gành Hào; Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu; Kênh Cống Đồi
7	Phường 8	Đường Nguyễn Tất Thành	Sông Gành Hào; Sông Cà Mau - Tắc Thù; Sông Rạch Rập; Kênh Bà Cai; Kênh Độ Chiểu
8	Phường 9	Đường Nguyễn Trãi, đường Ngô Quyền	Kênh Thống Nhất; Kênh Mới
9	Phường Tân Thành	Lộ nhựa từ Cầu Cái Nhúc - UBND phường Tân Thành; Lộ Tuyến Quản lộ - Phụng Hiệp	Kênh xáng Phụng Hiệp; Sông Cái Nhúc; Kênh Đường Xuồng
10	Phường Tân Xuyên	Quốc Lộ 63; Lộ Giồng Kè - Cầu số 3	Kênh Giồng Kè; Kênh xáng Quản lộ - Phụng Hiệp; Sông Bạch Ngưu; Kênh Sông Cũ
11	Xã Tắc Vân	Quốc Lộ 1A	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu; Kênh Cái Su - Cây Dương; Kênh Lung Lá
12	Xã Tân Thành	Lộ Cái Nhum; lộ nhựa Tuyến sông Cái Nhúc	Kênh xáng Phụng Hiệp, Sông Định Bình - Cái Nhúc; Kênh Long Thành
13	Xã Định Bình	Quốc lộ 1A; lộ nhựa Liên xã (Bảy Tháo - Hòa Tân)	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu; kênh Cái Su; kênh Tây; kênh Cái Rô - Xóm Huế
14	Xã Hòa Tân	Lộ nhựa liên xã Hòa Tân - Định Bình; lộ nhựa Xã Đát; lộ nhựa tuyến Đê sông Gành Hào (từ Giồng Nổi - Cái Su); lộ kênh Tây; lộ Cái Nai	Sông Gành Hào; sông Cái Nai; kênh Tây; Giồng Nổi; Bảy Mạnh; xã Đát
15	Xã Hòa Thành	Lộ Cà Mau - Hòa Thành; lộ Hòa Thành - Cái Ngang; lộ Cầu Nhum	Sông Gành Hào; sông Hòa Thành - Cái Ngang; sông Giồng Nổi; kênh Đồng Tranh
16	Xã Lý Văn Lâm	Quốc lộ 1A; lộ Đê Gành Hào (từ Chín Viên - Bến phà); lộ tuyến Lương Thế Trân; sông Rạch Rập; lộ kênh Lễ Quyền; lộ Bà Điều - Chòi Ngói	Kênh xáng Lương Thế Trân; sông Gành Hào; kênh Rạch Rập; kênh Láng Bà; kênh Lễ Quyền
17	Xã An Xuyên	Quốc lộ 63; lộ Bà Đê - Giồng Kè; lộ sông Ô Rô; lộ Ô Rô - Ngã 5; lộ Ụ Đập - Dinh Ông; lộ Rạch Rô	Sông Bạch Ngưu; sông Ô Rô; sông Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh Bảo Thái
II	HUYỆN CÁI NƯỚC		
1	Xã Lương Thế Trân	Tuyến lộ Lương Thế Trân - Đầm Dơi	Tuyến Kênh Xáng Lương Thế Trân, Tuyến sông Bảy Háp, Tuyến Nàng Âm - Xóm Mới, Tuyến đường chữ o Cái Nhum, Tuyến kênh 3 Gió - kênh Cái Nhum, Tuyến kênh Tám Mảo - kênh đường Gạo, Tuyến kênh Cây Dương - Cây Dừng, Tuyến kênh Tám Lạng, Tuyến kênh Đồng Vinh
2	Xã Thạnh Phú	Tuyến Quốc lộ 1 A, Đường Lộ Lung lá nhà thề, Tuyến đường Kênh Quảng Sanh Đường Phấn Gầy,	Tuyến sông tân Đức
3	Phú Hưng	Tuyến Quốc Lộ 1A, tuyến lộ 3 m Nhà Thờ	Tuyến sông Lộ xe

TT	Đơn vị	Tuyến đường giao thông chính	
		Tuyến đường bộ	Tuyến đường thủy
4	Hung Mỹ	Lộ Xe, Sư Liệu, Mươi Phái, Ba Bay-Út Trần, Bào Quảng, Mươi Phái	Tuyến Xóm Lớn, Kinh Thị Tường A, Quan ĐàmBiện Trảng, Xẻo Trê, lòng Ông, Chợ củ Rau DừaGừa sập, Ba Vinh, Đầu Sáu, Nước Đục, Địa Gòn, Lung Chích, Cái Giếng, Kinh Năm
5	Xã Hòa Mỹ	Tuyến Lộ Hòa Mỹ - Xẻo Đước; Quốc lộ 1A, Mươi Phái, Tuyến Lộ Xe, Địa Chuối Ngò Ôm, Trệt Tiên, Ba Tô, nước đục	Kênh Mười Sáu, kênh mười sáu, Địa Mới, Kinh Sậy,Địa Mới, Kinh Sậy, Chổng Mỹ, Lô xe, kênh ngang, Kinh chổng Mỹ, kênh Phụ Đầu
6	Xã Tân Hưng Đông	Tuyến Lộ Hòa Mỹ - Xẻo Đước; Lộ kênh Ráng Tân Tạo; Quốc lộ 1A	Tuyến kênh Rach Đước - Tân Tạo
7	TT Cái Nước	Tuyến lộ Trung tâm thị trấn; Quốc lộ 1A, lộ Tân Duyệt, lộ liên huyện Phú Tân	Tuyến sông Cái Nước, Đầm Cù, tuyến sông Cái Nước, Rau Dừa
8	Xã Trần Thới	Tuyến Quốc lộ 1 A, Tuyến lộ Cái Chim Vàm Đình,	Tuyến sông Đầm Cù, Bảy Háp, Bàu Trầu, Cái Muối
9	Xã Đông Thới	Tuyến Trung tâm xã - Giáo hồ, Lộ Xe tân Duyệt - Lung Bào Tròn	Tuyến kênh Nhà Thính; Kênh xáng Đông Hưng, Tuyến Kênh lớn, tuyến kênh Lộ xe, Cái Nước, Tân Duyệt, Tuyến Họa Đồ - Chệt Mười.
10	Đông Hưng	Tuyến lộ Tân Duyệt - Cái Cầm	Sông Bảy Háp, Sông Quảng Phước, Kênh Lớn - Rạch Cái Muối, Kênh Thủy lợi - Nhà Thính A.
III	HUYỆN NGỌC HIỂN		
1	Thị trấn Rạch Gốc	Đường từ thị trấn Rạch Gốc về trung tâm huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Rạch Gốc về trung tâm huyện
2	Xã Tân Ân	Đường từ thị trấn Rạch Gốc về trung tâm huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Rạch Gốc về trung tâm huyện
3	Xã Tân Ân Tây	Đường bộ từ trung tâm xã về huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Đường Kéo về trung tâm huyện
4	Xã Tam Giang Tây	Đường bộ từ trung tâm xã về huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Vàm sông Thủ đi theo tuyến sông (rạch) về trung tâm huyện
5	Xã Viên An	Đường bộ từ trung tâm xã về huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông cửa lớn và sông đường Kéo
6	Xã Viên An Đông	Đường bộ từ trung tâm xã về trung tâm xã Tân Ân Tây về huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông cửa lớn và sông đường Kéo
7	Xã Đất Mũi	Đường bộ từ trung tâm xã về trung tâm huyện (Đường Hồ Chí Minh)	Từ trung tâm xã đi theo tuyến Rạch Tàu; tuyến Kênh Cự, tuyến sông Ba Đình; sông Ông Trang; sông Cửa Lớn, sông Đường Kéo
IV	HUYỆN THỚI BÌNH		
1	Thị trấn Thới Bình	Tuyến đê Đông, Tây sông Trẹm, tuyến Zero	Tuyến Sông Trẹm, kênh Zero, kênh Chắc Bàng
2	Xã Tân Lộc	Quốc Lộ 63, tuyến lộ Láng Trăm	Kênh Bạch Ngưu, kênh Láng Trăm
3	Xã Tân Lộc Đông	Quốc Lộ 63, tuyến lộ Tân phong	Kênh Bạch Ngưu, kênh Tân Phong
4	Xã Tân Lộc Bắc	Quốc Lộ 63, lộ Hàng Gòn, lộ Đầu Nai	Các tuyến kênh: Bạch Ngưu, Hàng Gòn, Đầu Nai
5	Xã Tân Bàng	Tuyến đê Đông, Tây sông Trẹm;đường hành lang ven biển phía Nam	Kênh Sông Trẹm, kênh 7, kênh 8
6	Xã Biển Bạch	Tuyến đê Đông, Tây Sông Trẹm;đường Hành Lang ven biển phía Nam, tuyến lộ 13	Tuyến kênh Sông Trẹm, kênh 13, 14, 18, 19
7	Xã Biển Bạch Đông	Tuyến đê Đông, Tây Sông Trẹm;đường Hành Lang ven biển phía Nam, tuyến lộ số 6,	Tuyến kênh Sông Trẹm, kênh 6, 7, 8
8	Xã Hồ Thị Kỳ	Các tuyến Lộ xuyên Á, Tắc Thủ, Ông Hương, Nông Kề, Đường Xuồng	Các tuyến kênh Đường Xuồng, Ông Hương, Nông Kề
9	Xã Trí Phái	Các tuyến Lộ Chắc Bàng, Kênh Kiểm, quốc Lộ 63	Các tuyến kênh: Kênh Kiểm, Chắc Bàng, keng xáng Chợ Hội
10	Xã Trí Lực	Các tuyến lộ kênh 7 ngàn, kênh 8 ngàn	Các tuyến kênh 7 ngàn, 8 ngàn
11	Xã Thới Bình	Các tuyến lộ: Láng Trăm, Chắc Bàng, Báo Mốp, đê Đông sông Trẹm	Các tuyến kênh: Láng Trăm, Chắc Bàng, Báo Mốp, Sông Trẹm
12	Xã Tân Phú	Các tuyến lộ; Quốc Lộ 63, Ranh Hạt, Tân Phong	Các tuyến kênh: Chợ Hội, Ranh Hạt, Tân Phong

TT	Đơn vị	Tuyến đường giao thông chính	
		Tuyến đường bộ	Tuyến đường thủy
V	HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		
1	TT Sông Đốc	Tuyến lộ bờ Nam, bờ Bắc Sông Đốc	Tuyến Sông Đốc
2	Xã Khánh Bình Tây	02 tuyến Lộ Nông thôn chính từ xã đến Ngã Tư Đá Bạc	Các tuyến: Kênh Hòn, kênh Ngang, kênh Tám
3	Xã Khánh Hải	Tuyến lộ Tắc Thủ đến trung tâm xã Khánh Hải	Các tuyến kênh: Bảy Ghe, kênh Mới, kênh Tư
4	Xã Khánh Bình Tây Bắc	Tuyến lộ Nông thôn chính đến trung tâm xã	Tuyến kênh Ba Tinh, kênh Sào Lưới
5	Xã Phong Điền	Các tuyến lộ từ trung tâm xã đến kênh: Vàm Xáng, Công Điền, Thị Kẹo.	Tuyến Sông Đốc, kênh Xẻo Quao, kênh xáng Thị Kẹo
6	Xã Khánh Bình	Tuyến lộ Tắc Thủ, lộ từ trung tâm xã đến xã Khánh Bình Đông, lộ Rạch Cui, lộ Kênh Giữa	Các tuyến kênh: Kênh Hội, Chổng Mỹ, Rạch Cui, Ông Bích, Că Giữa, Rạch Bào, Đường Ranh
7	TT Trần Văn Thời	Các tuyến lộ: Kênh Cù, Kênh Chùa, kênh Trảng Cò và các kênh nội thị (lộ cấp 4 ĐB)	Tuyến Kênh Cù, Kênh Chùa, kênh Trảng Cò
8	Xã Lợi An	Các tuyến lộ từ trung tâm xã đến kênh: Rạch Lãng, Tắc Thủ, Công Nghiệp, Tân Phong, Ông Tự, Tân Thành, Tân Hiệp, Lung Thuộc, Đường Cuốc, Cái bắc, cỏ Xước, Giao Vàm	Các tuyến sông: Rạch Lãng, Ông Đốc, Tân Phong, Ông Tự, Lung Thuộc, Đường Cuốc, Cái Bắc, Xẻo Giá, Rạch Lãng, Giao Vàm, Tắc Thủ
9	Xã Phong Lạc	Các tuyến lộ Nông thôn: Lộ từ xã về khu Căn cứ Tỉnh Ủy, Lộ Rạch Bần, Lộ Tân Bằng, Lộ Lung Dông, Lộ Công Trình	Các tuyến kênh: Chù Ếnh, Rạch Bần, Chổng Mỹ, Kênh Ba
10	Xã Khánh Bình Đông	Lộ từ Trung tâm xã đến tuyến lộ về Tắc Thủ (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến kênh: rạch Nhum, Tham Chơi, Kênh Ngay, Dân Quân, Đường Xoài, Kênh Hội, Kiểu Mẫu, Kiểm Lâm, Minh Hà, Là Đường, Nhà Ngói, Làng Ông
11	Xã Khánh Hưng	Lộ từ Trung tâm xã đến huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến kênh: Kênh Hàng, Công Nghiệp, Nhà Máy A, B, Rạch Lùm, Cống Đá
12	Xã Trần Hợi	Lộ từ Trung tâm xã đến huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến kênh: Kênh Cù, Nhà Máy, Cơi Ba, Dinh Điền, Cơi Nhì, Cơi Nhất, Cơi Tư, Kiểm Lâm, Kênh T32, kênh T34
13	Xã Khánh Lộc	Lộ từ Trung tâm xã đến huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến kênh: Rạch Ruộng, Kênh Ngang, số 2, kênh Tư, kênh 6 Thước Lớn, 6 thước Cùn
VI	HUYỆN ĐÀM DƠI		
1	Xã Tân Dân	Trên các tuyến lộ liên xã	Tuyến kênh Cái Bát; sông Đàm Dơi; kênh Lô I, Lô III, chổng Mỹ
2	Xã Tân Thuận		Các tuyến kênh Nông Trường; Chim Đè; sông Miểu Thiết - Vàm Mương - kênh Nông Trường; Gành Hào
3	Xã Nguyễn Huân		Các tuyến sông Cái Bẹ, sông Cây Tàng, sông Hồ Gùi
4	Xã Thanh Tùng	Trên các tuyến lộ liên xã và lộ nhựa về huyện	Tuyến kênh Lung Lá; sông Bão Mũ; Lung Thanh Tùng; kênh Mới; kênh Cù Lao
5	Xã Quách Phẩm	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến sông Bào Hầm, Cái keo, Bảy Háp; kênh Hàng Gòn, Mười Hội
6	Xã Tạ An Khương	Trên các tuyến lộ liên xã	Tuyến Kênh đứng, kênh Cây Nổ; sông Đàm Dơi, Bảy Háp
7	Xã Tân Đức	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến kênh: Sáu Đông, Hai Hát, Xóm Lá, Tân Bình, Tân Phước, Tràm Con, Khúc Cạn
8	Xã Quách Phẩm Bắc	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến kênh: kênh Chuối, Lung Lá, Hai Vàng, Lung Lá, Bến Bào, Lung Quao, Nhà Cù
9	Xã Tân Trung	Trên các tuyến lộ liên xã và lộ nhựa về huyện	Tuyến Sông Bảy Háp
10	Xã Tân Tiến		Các tuyến sông Nước Trong - Cừ Bờ Cộ; Trảng Hầm; Cái Học - cửa Giá Lòng Đền

TT	Đơn vị	Tuyến đường giao thông chính	
		Tuyến đường bộ	Tuyến đường thủy
11	Xã Ngọc Chánh	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến kênh: Nông trường, Cù Lao, Đồng Gòn, Mươi Hội
12	Xã Tạ An Khương Đông	Trên các tuyến lộ liên xã	Các tuyến kênh: Cây Dừa, Kẹt Ráng, Ký Thuật, Nông Trường
13	Xã Tân Duyệt	Trên các tuyến lộ liên xã và lộ nhựa về huyện	Các Tuyến kênh: Bá Huê, Cây Trâm, Hàng Dừ kênh Xuôi
14	Xã Trần Phán	Trên các tuyến lộ liên xã và lộ nhựa về huyện	Tuyến sông: Bảy Háp, Chà Là, Bá Huê, Mả Ca
15	Thị trấn Đầm Dơi	Các tuyến lộ Bê tông Khóm I, IV, V, VI	
16	Xã Tạ An Khương Nam		Các tuyến kênh: Lô 18, Sáu Đông, Lung Sinh, sông Hương Mai
VII	HUYỆN NĂM CĂN		
1	Xã Tam Giang Đông		Tuyến sông Đầm Dơi, sông Cửa Lớn, kênh 3 Ông Đơn, sông Bến Dừa
2	Xã Lâm Hải	Tuyến Lộ xã Lâm Hải về trung tâm huyện (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến sông: Trại Lưới, Cửa Lớn; rạch Trại Lưới A,
3	Xã Hàng Vĩnh	Lộ Năm Căn Hàng Vĩnh, Đường trục chính	Các tuyến kênh xáng Cấp 3; kênh xáng Cái Ngay, sông Cửa Lớn
4	Xã Tam Giang		Tuyến kênh 17, kênh 3 Ông Đơn, sông Bến Dừa, kênh Cây Mắm, sông Cửa Lớn
5	TT Năm Căn	Quốc lộ 1A, các tuyến giao thông nội thị	Sông Cửa Lớn, kênh xáng Năm Căn
6	Xã Hàm Rồng	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Cái Ngay, sông Bảy Háp, kênh xáng Năm Căn, kênh 3, Kênh 5 Cái Trắng xã Hàm Rồng
7	Xã Hiệp Tùng	Lộ Năm Căn Hàng Vĩnh - Hiệp Tùng	Kênh 5 - sông Bến Dừa; Kênh 3 - sông Bến Dừa; Kênh xáng Cái Ngay
8	Xã Đất Mới	Quốc Lộ 1A	Sông Bảy Háp, , kênh xáng Năm Căn, kênh xáng Quốc Phòng,
VIII	HUYỆN PHÚ TÂN		
1	Xã Tân Hải	Tuyến lộ về trung tâm xã (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Cái Cấm, sông Công Nghiệp, kênh Thanh Bình, Sông Cái Đôi Vàm, Sông Bào Láng, Bến Địa, Mỹ Hưng, Kênh Mới, Lung Tăng, Tân Điền, Lô I, Lô II, kênh Tân Phong
2	Xã Phú Tân	Theo tuyến lộ huyện từ Cái Đôi Vàm - cầu Đầu Dừa - chợ Phú Tân	Tuyến Sông Cái Nước, Sông Mỹ Bình, Sông Tân Phú
3	Xã Phú Thuận	theo tuyến lộ huyện từ Cái Đôi Vàm - cầu Vàm Đình - chợ Vàm Đình	Tuyến kênh Xáng Vàm Đình, kênh Xáng ngã tư Giáp Nước, kênh Chà Là, Tuyến Sông Cái Chim Vàm Đình, Sông Đất Sét Vàm Đình, Tuyến sông Bùng Bình Cái Bát, tuyến Kênh Ông Xe, Sông Thử Vải Quảng Phú, Sông Gò Công, Tuyến sông Phòng hộ, tuyến lộ cấp 6
4	Xã Phú Mỹ	theo tuyến lộ huyện từ Cái Đôi Vàm - xã Tân Hải - xã Phú Tân - xã Phú Mỹ	Tuyến kênh Xáng Thọ Mai, tuyến sông Bà Ký, Tuyến kênh Năm và Lộ cấp 6
5	Xã Tân Hưng Tây	Tuyến lộ về trung tâm xã (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Bùng Bình Cái Bát, tuyến kênh Ông Xe, tuyến sông Vàm Đình, tuyến sông Thử Vải, Quảng Phú, Tuyến Kênh Mới, Tuyến Sông Đầu Dừa, Tuyến Sông Lung Vĩnh
6	Xã Nguyễn Việt Khái	Theo tuyến lộ huyện từ UBND TT Cái Đôi Vàm qua cầu Kiểm Lâm đến cây Xăng 31 rẽ phải - chợ Gò Công, xã Nguyễn Việt Khái	Tuyến sông Gò Công, tuyến sông Phòng hộ; Tuyến lộ cấp 6
7	Việt Thắng	Tuyến lộ về trung tâm xã (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Mang Gổ, sông So Đũa, sông Bào Châu
8	Xã Rạch Chèo	Tuyến lộ về trung tâm xã (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến kênh 90, kênh Năm, kênh Ba; Tuyến lộ cấp 6, Sông Bảy Háp
9	TT. Cái Đôi Vàm	Tuyến lộ về trung tâm thị trấn (lộ cấp 6 ĐB)	Tuyến sông Cái Đôi Vàm; tuyến lộ cấp 4; Tuyến sông Lô I, Lô II
IX	HUYỆN U MINH		

TT	Đơn vị	Tuyến đường giao thông chính	
		Tuyến đường bộ	Tuyến đường thủy
1	Xã Nguyễn Phích	Tuyến lộ U Minh - Nguyễn Phích (lộ cấp 6 ĐB)	Sông Cái Tàu
2	Xã Khánh Tiến	Tuyến lộ U Minh - Khánh Lâm - Khánh Hòa - Khánh Tiến (lộ cấp 6 ĐB)	Các tuyến sông: Hương Mai, Đường Cuốc, Xã Thịnh, Cái Tàu
3	Xã Khánh Hội	Lộ xe Khánh Hội - U Minh (lộ cấp 6 ĐB)	Sông Biện Nhị
4	Xã Khánh Thuận	lộ xe Thị trấn U Minh - Khánh Thuận và lộ giao thông nông thôn	Sông Cái Tàu
5	Xã Khánh An	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Sông Cái tàu
6	Thị trấn U Minh	Các tuyến lộ nội ô Thị trấn và lộ giao thông Nông thôn	
7	Xã Khánh Lâm	Lộ xe Khánh Hội - U Minh (lộ cấp 6 ĐB)	Sông Biện Nhị
8	Xã Khánh Hòa	Lộ xe Khánh Lâm - Khánh Hòa và lộ giao thông nông thôn	Các tuyến kênh: Kim Đài, Đường Cuốc, Xã Thịnh, Lung Vườn

PHỤ LỤC VII:**DANH SÁCH CÁC ĐIỂM TIẾP NHẬN DI DỜI, SƠ TÁN DÂN KHI CÓ NƯỚC DÂNG***(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)*

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
I	TP. CÀ MAU		30.792
1	Phường 1	Hội LHPN tỉnh	300
		Nhà dân	1.900
		Trụ sở ban nhân dân khóm	200
		Trạm y tế phường	200
		Nhà công vụ khí điện đạm	721
2	Phường 2	Trường TH Nguyễn Tạo	500
		Trường PTTH Cà Mau	1.000
		Trụ sở UBND Phường	60
		CLB Hưu Trí	60
		Trường Phan Bội Châu	60
		Trường TH Văn Lang	60
		Gát Thiện tự	100
3	Phường 5	Khách sạn Công Đoàn, Hội VHNT tỉnh	500
		Trường TH Quang Trung, Công an Tỉnh	800
		Trường TH Hùng Vương, Hậu Cần Công an	800
		Trường TH Nguyễn Thái Bình, Sở Xây Dựng, Sở KH-CN	900
		Trụ sở Sở Tài Chính, Tòa án tỉnh	170
		Trụ sở Sở y tế	200
		Làng trẻ SOS	200
4	Phường 6	Khách sạn Ánh Nguyệt	1.000
		NH Mê Kong	250
		Nhà khách Thái Sơn	200
		Trung đoàn 896	300
		Công ty xăng dầu Cà Mau	100
		Bảo hiểm bảo việt Cà Mau	100
		Công ty Song Ngọc	100
5	Phường 7	Trụ sở khóm I	25
		Khách Sạn Quốc Nam	100
		Quốc Việt	180
		Khách sạn Hải Châu	200
		Khách sạn Song Ngọc	200
		BVSK Tỉnh ủy	120
		DN Bé Năm	100
		DN Thu Ba	100
6	Phường 8	Trường Cao đẳng Y tế	500
		Trường TH P8/1, Mầm non Sen Hồng, TH NĐC và nhà dân kiên cố đường kênh tỉnh đội	200
		Trạm y tế, trường KT-KT và nhà dân	500
		Cảng cá, Xí nghiệp Camimex	200
		Sở thủy sản củ	100
		Trường Lương Thế Vinh	300
		Nhà dân	500
		UBND Thành Phố	400

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
7	Phường 9	TT.TDĐT; Quán Phụng Vỹ	200
		Nhà thờ tin lành	200
		UBND P9, KS Thái Hoàng	370
		Trường chính trị	550
		KS Best (cũ), Trường Tôn Đức Thắng	1.000
8	Phường Tân Thành	Trung tâm thương mại Cửu Long	400
		Công ty Nga Thủy	100
		Trường TH Tân Thành 1	300
		Trường TH Tân Thành 2	300
		Chùa Thiền Lâm	400
		Nhà dân	500
9	Phường Tân Xuyên	Trụ sở khóm 1, trường Lý Tự Trọng	250
		Trụ sở khóm 2, trường Lý Tự Trọng	320
		Trụ sở khóm 3, trường Tân Xuyên	80
		Trụ sở khóm 4, mầm non Quỳnh Anh	260
		Trụ sở khóm 5, trường Lý Tự Trọng	300
10	Xã Tắc Vân	Nhà dân	200
		Trụ sở xã	300
		Trường THPT Tắc Vân	250
		Trường TH Trần Hưng Đạo	250
		Trường THCS Nguyễn Du	250
		Trường TH Tắc Vân	140
		Chùa Thiện Phước	200
11	Xã Tân Thành	UBND xã	300
		Trường THCS Tân Thành	300
		Trường THPT khu A	200
		Trạm y tế xã	150
		Trụ sở ấp 2, 3, 6, Bình Định	200
		Nhà dân	400
12	Xã Định Bình	Trường TH Lê Văn Tám	200
		Trường TH Kim Đồng	200
		Trạm Kiểm dịch	250
		Trường huấn luyện biên phòng	300
13	Xã Hòa Tân	Trường THCS Hòa Tân	300
		Trường TH Hoàng Diệu	200
		Trường TH Võ Trường Toản	250
		Trụ sở UBND xã	300
14	Xã Hoà Thành	Trụ sở UBND Xã	300
		Trường TH Hòa Thành 1	400
		Trường TH Hòa Thành 2	400
		Trường TH Hòa Thành 3	400
		Trường TH Nguyễn Trung Trực	500
15	Xã Lý Văn Lâm	Trường THPT-THCS Lý Văn Lâm	400
		Trường tiểu học Tân Hưng	500
		Trung tâm văn hóa xã	500
		Hội trường UBND xã	400
		Nhà dân	550
		Trụ sở ấp 2, Trường tiểu học An Xuyên	140

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
16	Xã An Xuyên	Trụ sở ấp 3	170
		Trụ sở ấp 4, Trường Mầm non An Xuyên	120
		Trụ sở ấp 5, nhà dân	96
		Trụ sở ấp 6, Trường THCS An Xuyên	110
		Trụ sở ấp 8, Đình Tân Đức	120
		Trụ sở ấp 10, nhà dân	100
		Trụ sở ấp Tân Dân	100
		Trụ sở ấp Tân Hiệp, Chùa Bửu Sơn	110
		Trụ sở ấp Tân Thời, Trường TH Nguyễn Trãi	100
		Trụ sở ấp Tân Thuộc, nhà dân	100
II	HUYỆN CÁI NƯỚC		43.356
17	Xã Lương Thế Trân	Trường THCS Hòa Trung	200
		Trường TH Lương Thế Trân	150
		Trụ sở UBND xã	100
		Trụ sở BCH Quân sự xã	20
		Công ty Đại Phát	500
		Công ty Việt Nam Food	500
		Công ty Ánh Ngọc	100
		Công ty Hòa Trung	500
		DNTN Thế Duy	200
		Công ty Đại Dương	700
		Công ty FFC	700
		Nhà thờ dòng họ Lương Thế Trân	400
		Nhà thờ Cây Bóm	600
		Trường TH Trung Hưng Dân lập	300
		Trường TH Trung Hưng	400
18	Xã Thạnh Phú	Trụ sở UBND xã Thạnh Phú	300
		Trạm Y tế	200
		Điểm trường THCS Trần Quốc Toản	400
		Điểm Sở tại thuộc Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	200
		Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	200
		Trường Mầm non Thạnh Phú	200
		Mẫu giáo ấp Sở Tại.	200
		Chùa Hưng Nhơn	300
		Trụ sở văn hóa ấp	50
		Trường Tiểu học Thạnh Phú 1:	300
		Trường Tiểu học TP3:	300
		Trung đoàn 896	200
		Trụ sở văn hóa ấp	50
		Mẫu giáo ấp Phấn Thạnh;	200
19	Xã Phú Hưng	Trụ sở hành chính xã	1500
		Trường THPT Phú Hưng	2000
		Trường THCS Phú Hưng	1000
		Điểm Tân Ánh thuộc Trường Tiểu học Phú Hưng A	500
		Trường Tiểu học Phú Hưng A	1500
		Trường Tiểu học Phú Hưng B	1000
		Trường Tiểu học Phú Hưng C	1000
		Trường mẫu giáo Hoa Sen	500

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
20	Xã Tân Hưng	39 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1.800
		Chùa Tịnh độ	100
		Trường TH Tân Hưng II	50
		Trường THCS Tân Hưng	100
		Trường TH Tân Hưng I	200
21	Xã Hưng Mỹ	Trụ sở ấp Thị Tường A	60
		Trạm y tế xã	100
		32 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1.445
		Trụ Sở hành chính	300
		Trung tâm văn hóa xã	250
		Trụ sở ấp	50
		Trường THCS QT	300
		Trụ sở ấp Lý Ân	35
		Trường TH hưng Mỹ 1	100
		Trụ sở ấp	50
		Điểm lẻ trường TH HM 1	100
		Trụ sở ấp	50
22	Xã Hòa Mỹ	Trụ sở ấp Thị Tường B	30
		33 nhà dân kiên cố	517
		Trường THCS	50
		Trường TH HM 1	43
		Trụ sở UBND xã	194
		Trụ sở ấp Thị Tường	132
23	Xã Tân Hưng Đông	Trường TH - THĐ2	100
		102 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	5105
		Nhà thờ miếu họ Đặng	100
		Trường Mầm non Tân Hưng Đông	300
		Trường THCS Tân Hưng Đông	200
		Trụ sở Ủy ban nhân dân xã	150
		Trụ sở Công an xã	100
		Trụ sở Quân sự xã	80
		Trạm điện lực	100
		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	100
24	Thị trấn Cái Nước	Trạm y tế	80
		Trường THPT Cái Nước	2000
		Trường tiểu học Cái Nước 1	500
		Ban Dân Vận	300
		Huyện ủy	400
		UBND huyện	300
		Chi cục thuế	500
		Bệnh viện đa khoa	1000
25	Xã Trần Thới	Công an huyện	500
		100 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1981
		Trụ sở SHVH ấp Cái Chim	100
		Trụ sở ấp Đầm Cùng	50
		Xi Nghiệp Nam Long	50
		Trụ sở UBND xã	100
		Trụ sở sinh hoạt VH ấp	50

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
25	Xã Trần Thới	Trụ sở sinh hoạt ấp Đông Mỹ	100
		Trụ sở ấp Bình Thành	100
		Điểm trường Đông Mỹ thuộc Trường tiểu học Trần Thới	200
		Trường tiểu học Trần Thới 2	200
		Trụ sở SHVH ấp Mỹ Tân	100
		Trường THCS Trần Thới	104
26	Xã Đông Thới	41 nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1089
		Trường THCS Đông Thới	300
		Trường MG Đông Thới	130
		Trường TH Đông Thới 1	30
		Trụ sở xã Đội	80
		Trường Tiểu học Đông Thới 2	100
		Điểm trường Kinh Nhỏ	50
		Điểm Trường tiểu học Nhà Thính	50
		Điểm Trường tiểu học Tân Điền	50
27	Xã Đông Hưng	06 nhà dân ấp Trọng Ban	265
		21 nhà dân ấp Phong Lưu	465
		16 nhà dân ấp Nhà Thính A	306
		04 nhà dân ấp Cái Cắm	120
		26 nhà dân ấp Giá Ngự	535
		17 nhà dân ấp Tân Phong	510
		Trường THCS	100
		Trường Tiểu học Đông Hưng 2	100
		20 nhà dân ấp Cái Giếng	200
		Trụ sở UBND xã	300
III	HUYỆN NGỌC HIỂN		19.624
28	Thị trấn Rạch Gốc	Trụ sở UBND xã, Trường tiểu học 2 thị trấn Rạch Gốc và Đồn BP Rạch Gốc, nhà dân kiên cố và trung tâm huyện	1.594
29	Xã Đất Mũi	Trường tiểu học 1,2,3 và trường THCS xã Đất Mũi, đồn Biên phòng Đất Mũi, các nhà dân kiên cố ở xã và sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	5.000
30	Xã Tân Ân	Các trụ sở CQ ở xã, trụ sở BQL rừng phòng hộ Kiến Vàng, và Sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	1.030
31	Xã Tam Giang Tây	Trụ sở Xã đội, trường THCS, trường tiểu học 1 và 2 xã, Đồn Biên phòng tam Giang Tây và sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	4.000
32	Xã Viên An	Trụ sở UBND xã, trường Tiểu học 1 và 2 và trường THPT xã, nhà dân kiên cố và sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	2.500
33	Xã Viên An Đông	Trường tiểu học 4, UBND xã và nhà dân kiên cố, trung tâm huyện Ngọc Hiển	4.000
34	Xã Tân Ân Tây	Trường tiểu học 1, 2, 3 và trụ sở VH, UBND, trạm Y tế xã và Nông trường 414, nhà dân kiên cố và sơ tán về Trung tâm huyện Ngọc Hiển.	1.500
IV	HUYỆN THỚI BÌNH		4.500
35	TT Thới Bình	UBND huyện, thị trấn, trường cấp 3, nhà dân kiên cố.	212
36	Xã Tân Lộc	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	310
37	Xã Tân Lộc Đông	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	450
38	Xã Tân Lộc Bắc	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	310
39	Xã Tân Bằng	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	400
40	Xã Biển Bạch	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	420
41	Xã Biển Bạch Đông	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	300

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
42	Xã Hồ Thị Kỷ	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	498
43	Xã Trí Phải	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	400
44	Xã Trí Lực	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	320
45	Xã Thới Bình	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	520
46	Xã Tân Phú	UBND xã, các điểm trường, trạm y tế, nhà dân kiên cố.	360
V	HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		33.199
47	TT Sông Đốc	Trường Tiểu học 2 Sông Đốc (Khóm 4)	500
		Trường THCS 2 Sông Đốc (Khóm 4)	500
		Đồn BP Sông Đốc (Khóm 1)	500
		Hội quán Hưng hải tự (Khóm 2)	1.000
		Trường Tiểu học 1 Sông Đốc (Khóm 2)	500
		Trường THCS 1 Sông Đốc (Khóm 7)	500
		UBND thị trấn Sông Đốc (Khóm 7)	1.000
		Trường THPT Sông Đốc (Khóm 9)	500
		Trụ sở Quân Sự (Khóm 7)	300
		Nhà nguyện (Khóm 10)	2.000
		Cảng cá Sông Đốc (Khóm 11)	1.000
48	Xã Khánh Bình Tây	Trường THPT Võ Thị Hồng	1.080
		Trường Dân tộc Nội trú Danh Thị Tươi	1.090
		Trường THCS	335
		Trường Tiểu học A	507
		Nhà chống, trú bão xã	100
49	Xã Khánh Hải	Nhà Thờ Khánh Hưng A	350
		BCH Quân sự xã	80
		Trường Tiểu học 1	150
		Trường THCS 1	250
		Nhà tránh trú bão	80
50	Xã Khánh Bình Tây Bắc	Trường THCS, Mũi Tràm C	400
		Trường TH 1, Mũi Tràm C	300
		Trường TH 2, Sào Lưới B	450
		Trường TH 3, ấp 1	450
		Trường TH 4, ấp 3	450
		Trụ sở ấp Sào Lưới A	50
		Trường THCS Lâm Ngư Trường, ấp 3	200
		Trụ sở UBND xã	300
51	Xã Phong Điền	Trường Mầm non	300
		Trường Tiểu học 3	300
		Trường Tiểu học 1	200
		Trường Tiểu học 2	250
		Trường THCS	300
		Trường THCS 2	300
		BCH Quân sự xã	150
52	Xã Khánh Bình	Trường THCS	100
		Ban CH Quân sự	57
		Trường Mầm non Tuổi Ngọc	50
		Trường tiểu học 1	100
		Trường tiểu học 2	100
		Trường tiểu học 3	100

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
53	TT Trần Văn Thời	- Huyện ủy, khóm 1	300
		- Tòa án, khóm 1	200
		- Thi Hành án, khóm 1	200
		- Trung tâm YTDP, khóm 1	200
		- Trường TH1, khóm 7	500
		- Trường PTTH, khóm 7	500
		- Trung tâm GDNN, khóm 9	300
		- Trường THCS, khóm 9	500
		- Trung tâm BDCT, khóm 9	300
		- Bảo Hiểm xã hội, khóm 9	200
		Khối Liên cơ quan MTTQ, Đoàn thể huyện, khóm 9	300
		Khối Liên cơ quan Nhà nước, khóm 9	300
54	Xã Lợi An	Trường Trung học cơ sở 1	150
		Trường Trung học cơ sở 2	150
		Trường Tiểu học 1	100
		Trường Tiểu học 3	150
		Trạm Y tế xã	100
		UBND xã	200
		25 nhà dân	2.520
55	Xã Phong Lạc	Trụ sở UBND xã	200
		BCH Quân sự xã	100
		Trường Mầm non, ấp Rạch Bần	200
		Trường Tiểu học 1, ấp Đất Cháy	200
		Trường Tiểu học 2, ấp Rạch Bần	300
		Trường THCS, ấp Rạch Bần	300
56	Xã Khánh Bình Đông	Tiểu học 3, ấp 4	300
		Trạm Y tế, ấp 5	50
		Trường Mầm non, ấp 5	400
		UBND- BCH Quân sự xã, ấp 6	200
		Trường Tiểu học 6, ấp 6	500
		Trường THCS, ấp 6	700
		Trường Tiểu học 5, ấp 7	400
		Trường THCS Phạm Chí Hiền, ấp 12B	700
		Trường Tiểu học 1, ấp 12B	600
		Trường Tiểu học 4, ấp Minh Hà B	800
		Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	700
57	Xã Khánh Hưng	- Trường THCS	100
		- Trường Tiểu học 2	100
		- Hải Đội biên phòng 2	100
		- Trường Mầm non	100
		- Trường Tiểu học 3	100
		- Trường THPT	100
		- Trường Tiểu học 1	100
		- UBND xã	300
58	Xã Trần Hợi	- Trường THCS Trần Hợi	200
		- Trường THCS U Minh	200
		- Trường THCS Vô Dơi	200
		- Trường Tiểu học 1 Trần Hợi	200

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
59	Xã Khánh Lộc	Trụ sở UBND xã	150
		Trường THCS	100
		Trường TH 1	100
VI	HUYỆN ĐÀM DƠI		41.386
60	Thị trấn Đầm Dơi	Trường Tiểu học Khóm I thị trấn	1.040
		Trụ sở Huyện ủy	
		Trụ sở UBND huyện	
		Trụ sở Công an huyện	
		Trụ sở Tòa án huyện	
		Trường Tiểu học khóm II thị trấn	1.428
		Trụ sở Huyện đội	
		Nhà BS. Hường - Hiệp	
		Trụ sở UBND thị trấn	6.778
		Trụ sở Ngân hàng NN&PTNT	
		Trụ sở Kho Bạc Nhà nước	
		Trung tâm Viễn thông 5	
61	Xã Tạ An Khương	Trụ sở UBND xã	200
		Trường Tiểu học Mương Đường	160
		Trường THCS Tạ An Khương	480
		Trường Tiểu học Thành Điền	240
		Nhà ông Nguyễn Viết Tổng	50
		Nhà ông Nguyễn Văn Bảy	80
		Nhà bà Bùi Thị Truyền	80
62	Xã Tạ An Khương Đông	Trụ sở UBND xã	400
		Trường Tiểu học Thới Phong	600
		Trường THCS Thới Phong	600
		Trường Quảng Lỗi	600
63	Xã Tạ An Khương Nam	Trường THCS TAK Nam	500
		Trường Tiểu học TAK Nam	700
		Trung tâm văn hóa xã	450
		BCHQS xã	100
64	Xã Tân Đức	Trường Tiểu học Tân Đức	400
		Trường Tiểu học Tân Phước	400
		Trường THPT Tân Đức	500
		Trường THCS Hiệp Bình	400
65	Xã Tân Thuận	Trường THCS Tân Thuận	270
		Trường TH Thuận Hòa	300
		Trường TH Xóm Tắc	270
		Trường TH Kênh Ngây	60
		Trường TH Thuận Hòa A	90
		trường TH Ao Bông	90
		Trường TH Hóc Môn	90
		Trường TT Thuận Phước	90
		Trường TH Thuận Lợi A	90
66	Xã Tân Tiến	Trường Tiểu học Tân Tiến	200
		Trường THCS Tân Tiến	300
		Trường học Cầu Đồn	100
		Đồn Biên phòng Tân Tiến	500

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
		Trụ sở UBND xã	500
		50 nhà dân	450
67	Xã Nguyễn Huân	Trụ sở UBND xã	500
		Ban Chỉ huy QS xã	100
		Trường THCS Nguyễn Huân	1.000
		Trường TH Vàm Đầm	1.400
		Trường Mẫu giáo Vàm Đầm	200
68	Xã Tân Dân	Trường Tiểu học Tân Dân	600
		Trường Tiểu học Tân Dân	600
		Trụ sở hành chính xã Tân Dân	400
69	Xã Thanh Tùng	Trạm y tế xã	60
		Ban Chỉ huy QS xã	100
		Trường THCS Thanh Tùng	150
		Trường Tiểu học Tân Điền	200
		Trường Tiểu học Thanh Tùng	250
		Trường Mẫu giáo	100
		75 nhà dân	690
70	Xã Quách Phẩm	Trường Tiểu học An Lập điểm Bào Hầm	150
		Trụ sở UBND xã	250
		Trường THCS Quách Văn Phẩm	400
		Trường Tiểu học An Lập	300
		Trường Tiểu học An Lập điểm Xóm Mới	150
		Trường Tiểu học Cái Keo	350
71	Xã Quách Phẩm Bắc	Trường Tiểu học QPBắc	600
		Trụ sở UBND xã	300
		Trạm y tế xã	200
		Ban Chỉ huy quân sự xã	100
		Trường Tiểu học Minh Điền	400
		Trường Tiểu học Bến Bào	600
		Trường Tiểu học Xóm Rẫy	300
		Trường Tiểu học Tân Trung	600
		Trường Tiểu học Lung Vinh	400
72	Xã Ngọc Chánh	Trường Tiểu học Tân Hùng	1.100
		Trường Tiểu học điểm Tân Hùng	900
		Trường THCS Ngọc Chánh	600
		Trụ sở UBND xã	700
		Trạm y tế xã	300
73	Xã Tân Duyệt	Trường Tiểu học Tân Duyệt	400
		Trường THCS Tân Duyệt	400
		Trường Mẫu giáo Tân Duyệt	300
		Trường Tiểu học Đồng Tâm	400
		Trường Tiểu học Tân Hồng	500
		Trường Tiểu học Tân Khánh	400
74	Xã Trần Phán	Trường Mầm non Trần Phán	500
		Trường Tiểu học Trần Phán	500
		Trường THCS Trần Phán	500
		Trường Tiểu học Nhị Nguyệt	250
		Ban Chỉ huy quân sự xã	100

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
75	Xã Tân Trung	Trường Tiểu học Thành Vọng	500
		Trường Tiểu học Phú Điền	400
		Trường THCS Thành Vọng	300
		Ban Chỉ huy quân sự xã	100
		Trường Tiểu học Thành Vọng	500
		Trường Tiểu học Phú Điền	400
		Trường THCS Thành Vọng	300
VII	HUYỆN NĂM CĂN		17.444
76	Thị trấn Năm Căn	UBND thị trấn, Công an, BCHQS huyện, các Trường học, Chi cục thuế, Trụ sở Hải đội 402 cảnh sát biển, khách sạn Ôzon, KS Công Đoàn và các cơ quan ban ngành khác, các nhà kiên cố của dân	2.800
77	Xã Tam Giang	UBND xã, các trường học, Tạm Y tế xã, trụ sở các đơn vị khác, Nhà kiên cố của dân	2.203
78	Xã Tam Giang Đông	UBND xã, Trường THCS, Trường Tiểu học, trường Mẫu giáo, các nhà kiên cố của dân	1.760
79	Xã Lâm Hải	UBND xã, Trụ sở BCHQS xã, các trường học, Tạm Y tế xã, các nhà kiên cố của dân	1.960
80	Xã Hàng Vĩnh	UBND xã, các trường học, Trụ sở Hải đội 402 cảnh sát biển, Tạm Y tế xã, các nhà kiên cố của dân	1.500
81	Xã Hàm Rồng	Khu hành chính xã, các trường học, nhà kiên cố của dân	2.650
82	Xã Hiệp Tùng	UBND xã, các trường học, Tạm Y tế, các nhà kiên cố	1.381
83	Xã Đất Mới	Khu hành chính xã, các trường học, Tạm Y tế xã, Nhà thờ Kênh Nước Lớn, các nhà kiên cố cầu dân	3.190
VIII	HUYỆN PHÚ TÂN		17.376
84	Xã Tân Hải	Điểm trường TH Tân Nghiệp A, B, A (lẻ), Trung tâm văn hóa xã, trường THCS Tân Hải, Trường Mẫu giáo Hoa Mai, Trụ sở Văn hóa ấp và nhà dân kiên cố	3.550
85	Xã Phú Tân	Trụ sở UBND xã, trung tâm văn hóa xã, Trường THCS xã Phú Tân, Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, Trường TH Kim Đồng, Trường TH Phú Hiệp, Trường TH THCS Mỹ Bình	2.950
86	Xã Phú Thuận	Trường THCS và THPT Vàm Đĩnh, Trường THCS Đặng Tấn Triệu; Trường TH Phú Thuận 1 và 2; Nhà Văn hóa ấp Trống Vàm, Rạch Láng, Giáp Nước và Chà Lả; Trụ sở UBND xã và nhà dân kiên cố	2.400
87	Xã Phú Mỹ	Trụ sở UBND xã; trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp; trường TH Phú Mỹ 2, trường tiểu học Phú Mỹ 3 Nghiệp, Trường Mẫu giáo Họa My và nhà dân kiên cố	1.000
88	Xã Tân Hưng Tây	Trụ sở UBND xã; Trường THCS, Trường TH Tân Hưng Tây A, B, Trường TH Quảng Phú; Trường Mẫu giáo Hướng Dương; Trạm Y tế xã	2.900
89	Xã Nguyễn Việt Khái	Ban QL rừng phòng hộ Sào Lưới; Trường TH Việt Khái 2; Trụ sở xã Đội; Trụ sở UBND xã; Salatel ấp Gò Công Đông	700
90	Xã Việt Thắng	Trường THCS Việt Thắng; 04 hộ nhà dân kiên cố	395
91	Xã Rạch Chèo	Trường THCS, trường TH Rạch Chèo; Trụ sở UBND xã và nhà dân kiên cố	1.250
92	TT. Cái Đôi Vàm	Trung tâm Y tế; Trụ sở UBND thị trấn Cái Đôi Vàm; Trường TH Cái Đôi Vàm 2; Trường THCS Lê Hồng Phong; Đồn Biên phòng Cái Đôi Vàm; Chi cục Thuế; Nhà thờ khóm 7; Trường THCS Phan Ngọc Hiền.	2.231
IX	HUYỆN U MINH		39.675
93	Xã Nguyễn Phích	Các trường TH: Dương Nhị Chi, Quỳnh Quang, Nguyễn Văn Tổ, Nguyễn Phích, Trịnh Minh Hường và trụ sở BCH Quân sự và UBND xã	1.600

TT	Đơn vị	Địa điểm sơ tán	Số lượng người có thể sơ tán đến
94	Xã Khánh Tiến	Trung tâm huyện (các trụ sở cơ quan ban, ngành huyện; các trường học hiện có) và điểm trường tuyến 29, 89 xã Khánh Lâm; trụ sở Nhà văn hóa xã Khánh Lâm, nhà dân kiên cố	4.525
95	Xã Khánh Hội	Thị trấn U Minh (trường THPT, trường Nguyễn Văn Huyền, trường Mầm non Hương Tràm, Trung tâm dạy nghề, nhà Văn hóa Thiếu nhi, Phòng NN&PTNT) Trường TH Nguyễn Văn Tổ, Trường THCS Thái Văn Lung và trường Hoàng xuân Nhị, trường Mầm non Hoa Mai xã Nguyễn Phích	6.600
96	Xã Khánh Thuận	Các nhà dân kiên cố trên địa bàn xã	1.800
97	Xã Khánh An	Các điểm trường: Trường THCS Lê Quý Đôn, Mầm non Sơn Ca, THCS Huỳnh Phan Hộ, TH Nguyễn Việt Khái, TH Trường An, THPT Khánh An; Nhà Văn hóa, nhà thi đấu TDTT xã; nhà dân kiên cố	4.130
98	Thị trấn U Minh	Trường Mầm non Hương Tràm, TH Nguyễn Văn Huyền; trụ sở trạm Y tế, UBND thị trấn, và các nhà dân kiên cố của thị trấn	7.770
99	Xã Khánh Lâm	Trụ sở UBND xã và các trường THCS, THPT, TH trên địa bàn xã, nhà dân kiên cố	10.950
100	Xã Khánh Hòa	Trụ sở UBND xã và các trường THCS, THPT, TH trên địa bàn xã, trường Mẫu giáo Hướng Dương	2.300

Phụ lục VIII:**DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN THAM GIA ỨNG PHÓ MƯA LỚN, LỐC, SÉT, NGẬP LỤT, NƯỚC DÂNG***(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)*

TT	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	PHƯƠNG TIỆN		Ghi chú
		BỘ	THỦY	
		Số lượng (chiếc)	Số lượng (chiếc)	
I	KHU VỰC 1 (TP CÀ MAU)	206	67	
1	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	5	7	
2	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	1	1	
3	Công an tỉnh	3	8	
4	Sở Giao thông Vận tải	112	31	
5	Thành phố Cà Mau	85	20	
II	KHU VỰC 2 (U MINH, THỐI BÌNH)	249	308	
1	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	1	1	
2	Công an tỉnh	2	6	
3	Sở Giao thông Vận tải	20	5	
4	Huyện U Minh	82	52	
5	Huyện Thới Bình	144	244	
III	KHU VỰC 3 (TRẦN VĂN THỜI, PHÚ TÂN)	63	176	
1	Ban Chỉ huy QS huyện	1		
2	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	1	1	
3	Công an huyện	2	1	
4	Sở Giao thông Vận tải	20	5	
5	Huyện Trần Văn Thời	39	43	
6	Huyện Phú Tân	189	126	
IV	KHU VỰC 4 (ĐÀM DƠI, CÁI NƯỚC)	137	284	
1	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	2		
2	Công an tỉnh	2	5	
3	Sở Giao thông Vận tải	20	5	
4	Huyện Cái Nước	95	227	
5	Huyện Đàm Dơi	18	47	
V	KHU VỰC 5 (NĂM CĂN, NGỌC HIỂN)	144	499	
1	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	2		
2	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	2	2	
3	Công an tỉnh	2	7	
4	Sở Giao thông Vận tải	20	5	
5	Huyện Năm Căn	57	105	
6	Huyện Ngọc Hiển	61	380	
VI	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC	28	4	
1	CTY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CM	6		
	Xe cứu hộ các loại	6		
2	CTY ĐIỆN LỰC CÀ MAU	22		
	Xe cầu đa năng 8,5 tấn	1		
	Xe cầu 5 tấn	1		
	Xe tải cầu 3,5 tấn	3		
	Xe tải 750kg	3		
	Xe FOR bán tải	10		
	Xe 16 chỗ	2		
	Xe 7 chỗ	2		

3	BCH QUÂN SỰ TỈNH		4	
	Máy đẩy YAMAHA 40 HP		4	
4	HẠT QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU TỈNH	17	0	
	Máy đào gàu 0,5m ³	1		
	Máy đào gàu 0,3m ³	1		
	Xà lan tải trọng ≤ 100T	1		
	Xe Ben loại 5T	1		
	Xe bán tải	1		
	Xe mô tô	6		
	Máy đào gàu 0,7m ³	1		
	Máy cắt cỏ	5		
Tổng		844	1.338	

273

Phục lục IX:**DANH MỤC VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ỨNG PHÓ MƯA LỚN, LỐC, SÉT, NGẬP LỤT, NƯỚC DÂNG**

(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
I	KHU VỰC 1 (TP CÀ MAU)		
	Áo mưa	Cái	87
	Búa tạ	Cây	1
	Cán cứu thương	Cái	1
	Con đội	Con	10
	Cù móc	Cây	2
	Cưa tay cán gỗ	Cây	2
	Dao (rựa)	Cây	1
	Dây thừng	Cuộn	4
	Đèn Pin cầm tay	Cái	33
	Đèn Pin đội đầu	Cái	17
	Đèn Pin xách tay	Cái	18
	Dép rọ	đôi	44
	Kềm cắt cành cây	Cây	16
	Kéo cắt cành cây	Cây	1
	Loa cầm tay	Cái	7
	Loa cầm tay phóng (lớn)	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Máy cưa cây	Cái	1
	Máy khoan bê tông	Bộ	1
	Máy phát điện	Cái	1
	Mũ nhựa BHLĐ	Cái	36
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	4
	Nhà bạt 24.75m ²	Bộ	1
	Nhà bạt 60.m ²	Bộ	1
	Phao áo cứu sinh	Cái	181
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	35
	Sửa cưa cây	Cây	3
	Thang dây	Bộ	1
	Thang nhôm	Cây	8
	Ủng cao su	đôi	14
	Xăng	Cây	6
II	KHU VỰC 2 (U MINH, THỐI BÌNH)		
1	HUYỆN U MINH		
	Nhà bạt	Bộ	10
2	HUYỆN THỐI BÌNH		
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	11

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	Máy phát điện các loại	Chiếc	2
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	15
	Băng ca	Chiếc	18
	Loa cầm tay	Chiếc	6
III	KHU VỰC 3 (TRẦN VĂN THỜI, PHÚ TÂN)		
1	HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		
	Nhà bạt 16,5m ²	Bộ	4
	Nhà bạt 24,75m ²	Bộ	3
	Nhà bạt 60m ²	Bộ	2
	Máy bơm nước các loại	Chiếc	158
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	56
	Máy phát điện 5KW	Chiếc	13
2	HUYỆN PHÚ TÂN		
	Bao tải, bao cát	Cái	2.055
	Cọc gỗ	Cây	450
	Xe rửa	Chiếc	44
	Dao, rựa	Cái	89
	Cát	m ³	43
	Búa tạ	Cái	25
	Xẻng, cuốc	Cái	87
	Búa nhỏ đinh	Cái	29
	Đá 1x2	m ³	23
	Đá 4x6	m ³	21
	Xăng xe máy	lít	380
	Đèn chiếu sáng xách tay	Cái	102
	Bút thử điện	Cái	39
	Cọc sắt	Cây	50
	Cột thép V65 dài, 1,5m	Cây	10
	Dây kẽm	kg	32
	Cột tre	Cây	100
	Dầu diesel	lít	280
	Dây thừng	m	300
	Đèn pin sạc	Cái	52
	Đinh các loại	kg	17
	Máy phát điện	Cái	15
	Nhớt	lít	130
	Cửa máy các loại	Cái	4
	Máy khoan cắt bê tông	Cái	2
	Xà ben các loại	Cái	32
	Cửa tay	Cái	10
	Loa cầm tay	Cái	7
	Máy Bơm nước	Cái	1
IV	KHU VỰC 4 (ĐÀM DƠI, CÁI NƯỚC)		
1	HUYỆN CÁI NƯỚC		
-	Nhà bạt	Cái	10
-	Máy khoan cắt bê tông	Cái	1

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
-	Máy phát điện	cái	1
2	HUYỆN ĐÀM DƠI		
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	4
	Nhà bạt 24.75m2	Bộ	2
	Nhà bạt 60m2	Bộ	1
V	KHU VỰC 5 (NĂM CĂN, NGỌC HIỂN)		
1	HUYỆN NĂM CĂN		
	Nhà bạt 16.5m2	Bộ	3
	Áo mưa	Cái	240
	Búa nhỏ đinh	Cái	40
	Mũ bảo hộ	Cái	160
	Máy phát điện	Cái	8
	Dao	Cái	40
	Loa cầm tay	Cái	8
	Đèn pin	Cái	80
	Máy cưa	Cái	8
	Búa tạ	Cái	16
	Kiểm cộng lực	Cái	8
	Dây thùng	m	400
	Túi y tế cứu thương	Bộ	8
	Cáng cứu thương	Cái	8
2	HUYỆN NGỌC HIỂN		
	Nhà bạt	Bộ	11
	Máy cưa chạy xăng	Cái	8
	Máy phát điện	Cái	9
	Mũ nhựa bảo hộ lao động	Cái	128
	Phao áo cứu sinh	Cái	868
	Phao tròn cứu sinh	Cái	518
	Phao bè	Cái	8
	Áo mưa	Cái	290
	Búa tạ	Cái	14
	Búa nhỏ đinh	Cây	35
	Cáng cứu thương	Cái	7
	Can nước	Cái	140
	Dây thùng cứu hộ	Mét	350
	Dao	Cây	35
	Đèn pin	Cái	145
	Túi y tế cứu thương	Bộ	7
	Thang nhôm	Cây	1
	Loa cầm tay	Cái	9
	Giày bata	Đôi	63
	Ủng cao su	Đôi	220
	Kềm cộng lực	Cái	7
	Bình chữa cháy	Cái	35
	Dép rọ	Đôi	70
	Xô nhựa	Cái	140

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
VI	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC		
1	CÔNG AN TỈNH		
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	8
	Nhà bạt 24.5m ²	Bộ	4
	Nhà bạt các loại	Chiếc	33
	Máy phát điện các loại	Chiếc	10
	Máy bơm nước các loại	Chiếc	8
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	2
	Máy khoan cắt bê tông	Chiếc	2
2	CẢNG VỤ HÀNG HẢI		
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	2
	Nhà bạt 24.75m ²	Bộ	2
	Nhà bạt 60m ²	Bộ	1
3	BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH		
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	2
	Nhà bạt 24.75m ²	Bộ	4
	Máy phát điện các loại	Chiếc	1
	Máy bơm nước các loại	Chiếc	44
	Áo mưa	Chiếc	50
	Đèn pin	Chiếc	17
4	VP BCH PCTT&TKCN TỈNH		
	Nhà bạt 16.5m ²	Bộ	6
	Máy quay phim	Chiếc	1
	Máy ảnh	Chiếc	1
	Máy phát điện	Chiếc	1
5	CTY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CM		
	Nhà bạt 24,75 m ²	Bộ	15
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	1
	Dây đai an toàn 02 móc	Cái	2
	Kìm cộng lực	Cái	2
	Bộ đàm	Cái	7
6	CTY ĐIỆN LỰC CÀ MAU		
	Dây đai an toàn	Chiếc	384
	Bộ đàm cầm tay 5 w	Chiếc	13
	Máy phát điện di động trên xe tải (200KW)	Máy	1
	Máy phát điện loại 5 KW	Máy	6
	Đèn pha sử lý sự cố	Cây	105
	Kèm ép thủy lực 12 Tấn .	Cây	19
	Kích căng dây 3/4 tấn	Cái	63
	Kích căng dây 1,5 tấn	Cái	60
	Cóc kẹp dây 4-20 mm.	Cái	114
	Xích móc loại 2 mét/Mỹ	Cái	94
	Palan 1,5T+1T	Cái	26
	Palan 3T	Cái	20
	Pa lăng loại 5 tấn	Cái	5

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	Kèm ép dây thủy lực 6,5 tấn	Cây	51
	Kèm cắt dây thủy lực 6,5 tấn	Cây	28
	Kèm cắt đai thép WB	Cây	34
	Máy cưa cầm tay (2,1kW)	Cây	24
	Máy cưa cầm tay (3,9kW)	Cây	11
	Dây cáp thép nài tải trọng 5 tấn (m)	Mét	147
	Thang nhôm rút	Cây	35
	Bộ tời 3 tấn VN SX	Bộ	11
7	BCH QUÂN SỰ TỈNH		
	Thiết bị vượt sông VSN-1500	Bộ	2
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	484
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	520
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	15
	Máy cắt bê tông	Chiếc	1
	Bộ CHCN thủy lực	Bộ	1
	Cửa máy xích cầm tay	Chiếc	2
	Nhà bạt 16,5 m ²	Chiếc	1
	Nhà bạt 24,75 m ²	Chiếc	1
	Nhà bạt 60 m ²	Chiếc	1
	Nhà bạt các loại khác	Chiếc	4
	Máy phát điện các loại	Chiếc	2
	Máy phát điện có hệ thống đèn pha	Chiếc	1
	Dao tông	Cái	50
	Rựa	Cái	20
	Dá đào đất	Cái	10
	Búa bèn	Cái	20
	Cửa cá mật	Cái	6
	Phản phát cỏ	Cái	10
	Xẻng bộ binh	Cái	200
	Cuốc bộ binh	Cái	200
	Ống nhôm đêm	Cái	1
	Ống nhôm ban ngày	Cái	2
8	HẠT QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU TỈNH		
	Máy đào gầu 0,5m ³	Chiếc	1
	Máy đào gầu 0,25m ³	Chiếc	1
	Xà lan tải trọng ≤ 100T	Chiếc	1
	Xe Ben loại 5T	Chiếc	1
	Xe bán tải	Chiếc	1
	Xe mô tô	Chiếc	6
	Máy đào gầu 0,7m ³	Chiếc	1
	Máy cắt cỏ	Cái	5
	Máy Fly cam	Cái	1
	Nhà bạt	Chiếc	3
	Máy cưa xích	cái	2
	Xe rửa	chiếc	8

TT	Địa điểm và tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	Cừ bản nhựa	cây	132
	Rọ đá	Cái	490
	Đá hộc	m ³	1.870
	Màng chống thấm	m ²	6.000
	Cừ tràm (ngọn 5,5cm - 7cm)	Cây	2.300
	Cừ tràm (ngọn 4,2cm - 4,6cm)	Cây	1.000
	Dầu	Lít	1.000
	Bao sinh thái	cái	2.000
	Bao tải	cái	5.000
	Dá đào đất	cây	20
	Bao tay	cặp	300
	Đinh	kg	50
	Búa đóng đinh	cây	10
	Búa chặt cây	cây	10
	Dây buộc rọ	kg	30
	Thép	kg	150
	Cát đen	m ³	150

Phụ lục X:**DỰ PHÒNG VẬT TƯ VÀ DỤNG CỤ Y TẾ ỨNG PHÓ MƯA LỚN, LỐC, SÉT, NGẬP LỤT, NƯỚC DÂNG**

(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Chức năng
I	Danh mục một số cơ sở thuốc dự phòng PCTT		42.212	
1	Amoxilin 500mg	Viên	3200	Kháng sinh
2	Amoxilin 250mg	Gói	2400	Kháng sinh
3	Amoxicilin 250mg	Viên	100	
4	Oresol	Gói	1000	Bồi hoàn nước
5	Tetracylin 1%	Tuýp	60	Kháng sinh tra mắt
6	Paracetamol 500mg	Viên	6886	Giảm đau, hạ sốt
7	Paracetamol 150mg	Gói	2000	Giảm đau
8	Paracetamol 100mg	Viên	500	
9	Paracetamol 250mg	Viên	1000	Giảm đau
10	Cao sao vàng	hộp	120	Bôi da, giảm đau
11	Loperamid 2mg	Viên	3000	Cần tiêu chảy
12	Cotrimoxazol	Viên	600	
13	Vitamin B1 250mg	Viên	420	Bổ sung vitamin
14	Vitamin B1 250mg	Ống	100	
15	Vitamin B1+B6+B12	Viên	200	Bổ sung vitamin
16	Vitamin C 250mg	Viên	1000	Tăng sức đề kháng
17	Vitamin C 500mg	Viên	2200	Bổ sung vitamin
18	Vitamin C 500mg	Ống	600	
19	Cotriseptol 480	Viên	100	
20	Berberin 50mg	Viên	3000	Cần tiêu chảy
21	Cloramin B 250mg	Viên	2500	
22	Cephalexin 250mg	Gói	2500	Kháng sinh
23	Cenpadol	Gói	500	
24	Tobramycin 0,3%	Lọ	50	Điều trị viêm mắt
25	DUNG DỊCH I A.S.A	Chai	20	
26	DUNG DỊCH D.E.P	Chai	20	
27	Xanh Methylen 1% 20ml	Lọ	10	
28	Dopamin 200mg/4ml	ống	05	
29	Glucose 5% 500ml	chai	45	
30	Tobrin 0,3%,5ml (Toramycin)	Chai	10	Nhỏ mắt
31	Diazepam 10mg	ống	05	
32	Pethidine 50mg	ống	05	
33	Morphin 10mg	ống	05	
34	Adrenalin 1mg	ống	10	
35	Ventolin Inh 100mcg	bình	01	
36	Lovenox 60mg	ống	05	
37	Calcichlorua 0,5%	ống	05	
38	Vinzix 20mg	ống	05	
39	Diaphyllin 4,8%	ống	05	
40	Furosemd 20mg	ống	05	
41	Vensolon 40mg	ống	05	
42	Mildocap 20mg	viên	05	
43	Atorlip 20mg	viên	05	

44	Duoridin	viên	05	
45	Tatanol 500mg	viên	05	
46	Natriclorid 0.9% 500ml	chai	45	
47	Povidon iod 10%	Lọ	30	
48	Hộp thuốc chống sốc theo quy định BHYT	Hộp	01	
49	Cephalexin 500mg	Viên	2000	Kháng sinh
50	(Sulfamethoxazole + Trimethoprim) 480mg	Viên	1000	Kháng sinh
51	Amlodipin 5mg	Viên	100	Hạ áp
52	Captopril 25mg	Viên	50	Hạ áp
53	PVP Iodine 10%-20ml	Lọ	50	Sát khuẩn
54	ASA-20ml	Lọ	40	Điều trị nấm
55	DEP-20ml	Lọ	40	Điều trị ghê
56	Băng cuộn 2m x 5cm	Cuộn	20	Băng vết thương
57	Gạc miếng 10cm x 10cm	Miếng	50	Đắp vết thương
58	Bông thấm nước 10g	Gói	20	Rửa vết thương
59	Phèn chua 200g	Gói	11	Lọc nước
60	Xanh methyle 5g	Gói	11	Sát khuẩn
61	Oxy già	Chai	40	Rửa vết thương
62	Cồn 70 độ	Chai	40	Sát khuẩn
63	Hộp thuốc và thuốc chống sốc	Hộp	02	
64	Sodiumchlorid 0.9% 500 ml	Chai	20	
65	Glucose 30% 250 ml	Chai	10	
66	Hydrocortison 100mg	Lọ	10	
67	Calcigluconat 0.6875 g	Ống	10	
68	Vinzid 20mg	Ống	20	
69	Mobic 15mg	Ống	20	
70	Morphin 1mg/1ml	Ống	04	
71	Adrenalin 1mg	Ống	20	
72	Nospa 40mg	Ống	20	
73	Nước cất	Ống	20	
74	Lidocain 2%	Ống	20	
75	Captopril 25mg	Viên	100	
76	Nifedipin 20mg	Viên	40	
77	Kavasdin 5mg	Viên	20	
78	Atenolol 50 mg	Viên	10	
79	Partamol 5 mg	Viên	50	
80	Eferalran 500mg	Viên	20	
81	Trimpol 35mg	Viên	40	
82	Aspirin 81 mg	Viên	40	
83	Calcium Stada 500mg	Viên	50	
84	Esomeprazol 40mg	Viên	40	
85	Spm sucralfat	Viên	40	
86	Diphenhydramin 10mg	Ống	05	
87	Methylprednisolon 40mg	Lọ	04	
88	Salbutamol (Xit)	Lọ	02	
89	Loratadine SPM 5mg	Viên	100	
90	Berinthepharm	Viên	100	
91	Theresol	Gói	20	
92	Povidonlod 10% 20ml	Lọ	10	
93	Dung dịch DEP	Lọ	24	
94	Cloramphenicol 0,4%	Lọ	10	
95	Oresol 27,9g	Gói	1200	Bồi hoàn nước

96	Cloramin B 250mg	Viên	500	Khử khuẩn nước
97	Clorpheniramin 4mg	Viên	1000	Kháng dị ứng
98	Povidin 500ml	Chai	100	Sát trùng vết thương
99	Cefixim 200mg	Viên	400	
100	Levofoxacin 500mg	Viên	400	
101	Ketoconazol	Tuýp	10	
102	Fluocinolon	Tuýp	10	
103	Ofloxacin 0.3%	Lọ	10	
II	Danh mục một số cơ sở dụng cụ y tế PCTT		2.540	
1	Gạc phẫu thuật	Miếng	150	
2	Bông y tế	Bịt	120	
3	Băng cuộn y tế	Cuộn	324	
4	Áo phao	Cái	3	
5	Phao cứu hộ	Cái	5	
6	Gạc y tế	Gói	120	
7	Gạc miếng 10cm x 10cm	Miếng	150	Đắp vết thương
8	Bông hút 8g Túi * 400cuộn	Cuộn	120	
9	Bông thấm nước 10g	Gói	120	Rửa vết thương
10	Băng keo	Cuộn	114	
11	Dây thắt garo	Sợi	111	
12	Gạc A vô trùng	Gói	126	
13	Gòn viên vô trùng	Gói	112	
14	Hộp đựng gòn	Hộp	2	
15	Nẹp gỗ 0,6m	Cây	18	
16	Nẹp gỗ 1,2m	Cây	12	
17	Nylon	Mét	30	
18	Tấm ván 55cm x 1,6m	Tấm	1	
20	Băng thun 3 móc	Cuộn	20	
21	Còn sát khuẩn 70 độ	Lọ	5	
22	Bông gạc hấp tiệt trùng	Hộp	2	
23	Găng tay vô trùng các loại	Cặp	60	
24	Bơm tim 10ml nhựa	Cái	50	
25	Bơm tim 20ml nhựa	Cái	20	
26	Bơm tim 5ml nhựa	Cái	20	
27	Ống thông tiểu (nam)	Cái	5	
28	Ống thông tiểu (nữ)	Cái	5	
29	Nội khí quản 7.5	Cái	5	
30	Nội khí quản 4.5	ống	5	
31	Kim luồn 22,24	cây	5	
32	Airway	cái	10	
33	Nội khí quản 2.5	ống	5	
34	Kim lấy thuốc số 18	cây	5	
35	Dây truyền dịch	Cái	30	
36	Dây oxy 2 nhánh các loại	Cái	20	
37	Dây hút nhót	Bộ	10	
38	Nẹp cố định gãy xương các loại	Sợi	10	
39	Ống nghe	Cái	12	
40	Máy đo huyết áp	Cái	12	
41	Găng tay	Cặp	40	
42	Pen	Cây	10	
43	Kéo	Cây	10	

44	Ống nhiệt kế	Cái	10	
45	Kim truyền dịch	Cây	10	
46	Gòn	Cây	02	
47	Chỉ nylon 2 ô	tép	10	
48	Găng tay thường	Hộp	02	
49	Nẹp gỗ cố định xương đùi	Cây	06	
50	Nẹp cố định cẳng chân	Cái	04	
51	Căng tay nẹp số 8	Cái	04	
52	Loại 10ml	Ống	10	
53	Loại 5ml	Ống	40	
54	Loại 1ml	Ống	10	
55	Nẹp gỗ cố định dài 30cm	Cây	30	
56	Nẹp gỗ cố định dài 50cm	Cây	50	
57	Nẹp gỗ cố định dài 1m	Cây	50	
58	Băng thun cố định	Cuộn	50	
59	Gạt cầm máu	Bịt	50	
60	Gòn	Bịt	50	
61	Nước muối sinh lý (Natrý) 9%	Chai	30	
62	Btalin	Chai	20	
63	Oxy già	Chai	50	
64	Băng keo vải	Cuộn	50	
65	Bộ nẹp chân	Bộ	2	
66	Bộ nẹp tay	Bộ	2	
67	Bộ nẹp cổ	Bộ	2	
III	Danh mục dụng cụ, phương tiện		16.559	
1	Phao tròn cứu sinh	Cái	160	
2	Áo phao cứu sinh	Cái	242	
3	Áo mưa chuyên dùng	Cái	280	Bảo hộ
4	Đèn pin	Cây	280	TKCN
5	Máy cưa cắt gỗ	Cái	27	TKCN
6	Máy phát điện dự phòng	Máy	3	Cấp điện
7	Nón cối	Cái	100	Bảo hộ
8	Xe cứu thương	Chiếc	12	
9	Xe bán tải	Chiếc	01	
10	Xe ô tô 12 chỗ	Chiếc	1	
11	Xe ô tô chụp, chiếu X-Quyang	Chiếc	1	
12	Xe ô tô phẫu thuật	Chiếc	1	
13	Xe ô tô xét nghiệm	Chiếc	1	
14	Máy tạo oxy và máy nén cao cấp đồng bộ	Máy	1	
15	Bệnh viện dã chiến	BV	1	
16	Trang thiết bị y tế thiết yếu	Bộ	2	
17	Hóa chất khử khuẩn, khử trùng	KG	76	
18	Dụng cụ băng bó vết thương	Bộ	2	
19	Khẩu trang cá nhân	Chiếc	15.000	
20	Máy giúp thở	cái	1	
21	Xe đẩy bệnh nhân ngồi	Cái	2	
22	Xe đẩy bệnh nhân ngồi	Cái	1	
23	Cáng cứu thương	Cái	3	
24	Ống nghe tim phổi	Cái	2	
25	Pin Kôcher 18cm có mẫu	Cái	5	
26	Kéo thẳng đầu tù 18cm	Cái	5	
27	Túi chườm nóng	Cái	2	

28	Túi chườm lạnh	Cái	2	
29	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	2	
30	Hộp đựng dụng cụ	Cái	3	
31	Túi trữ oxy	Cái	5	
32	Bộ tiểu phẫu	Cái	15	
33	Bóp bóng có mặt nạ	Cái	2	
34	Bóp bóng người lớn	Bộ	35	Hỗ trợ hô hấp
35	Bóp bóng trẻ em	Bộ	14	Hỗ trợ hô hấp
36	Máy đo huyết áp	Cái	14	
37	Máy đo huyết áp trẻ em	Cái	12	
38	Cáng cứu thương	Cái	26	
39	Nẹp xương	Bộ	34	
40	Máy phun hóa chất	Cái	7	
41	Băng ca vận chuyển	Cái	39	
42	Đồ bảo hộ	Bộ	100	
43	Bình Oxy xe cấp cứu	Bình	2	
44	Bình Oxy	Bình	34	
45	Túi cấp cứu ngoại viện	Gương cấp cứu	1	
46	Máy khí dung	Cái	1	
IV	Danh mục cơ sở thuốc, hóa chất, dụng cụ chống dịch và PCTT		214.381	
	<i>Danh mục cơ sở thuốc</i>			
1	Ceftriaxon 1g	Lọ	20	
2	Levofloxacin 250mg/50ml	Lọ	20	
3	Ceftazidime 1g	Lọ	30	
4	Amikacin 500mg/2ml	Lọ	20	
5	Azithromycin 500mg	Viên	30	
6	Azithromycin siro 200mg/5ml	Lọ	20	
7	Adrenalin 1mg/ml	Ống	50	
8	Nor- Adrenalin 1mg/ml	Ống	30	
9	Tamifu 75mg	viên	30	
10	Midazolam 5mg/ml	Ống	20	
11	Natri clorid 0.9%	Chai	50	
12	Glucose 5%	Chai	50	
13	Cephalexin 250mg	Gói	1000	Kháng sinh
14	Cephalexin 500mg	Viên	1000	Kháng sinh
15	Amoxilin 250mg	Gói	1000	Kháng sinh
16	Amoxilin 500mg	Viên	1000	Kháng sinh
17	(Sulfamethoxazole + Trimethoprim) 480mg	Viên	1000	Kháng sinh
18	Amlodipin 5mg	Viên	100	Hạ áp
19	Captopril 25mg	Viên	100	Hạ áp
20	Paracetamol 500mg	Viên	2000	Giảm đau
21	Paracetamol 150mg	Gói	2000	Giảm đau
22	Loperamid 2mg	Viên	2000	Cần tiêu chảy
23	Berberin 50mg	Viên	2000	Cần tiêu chảy
24	Oresol 27,9g	Gói	400	Bồi hoàn nước
25	Vitamin B1 250mg	Viên	220	Bổ sung vitamin
26	Vitamin C 500mg	Viên	600	Bổ sung vitamin
27	PVP Iodine 10%-20ml	Lọ	40	Sát khuẩn
28	ASA-20ml	Lọ	40	Điều trị nấm
29	DEP-20ml	Lọ	40	Điều trị ghẻ
30	Mỡ Tetracyclin 1% 5g	Tuýp	40	Điều trị mắt hột
31	Tobramycin 0,3%.	Lọ	40	Điều trị viêm mắt

32	Cao sao vàng	hộp	40	Bôi da, giảm đau
33	Băng cuộn 2m x 5cm	Cuộn	20	Băng vết thương
34	Gạc miếng 10cm x 10cm	Miếng	50	Đắp vết thương
35	Bông thấm nước 10g	Gói	20	Rửa vết thương
36	Phèn chua 200g	Gói	10	Lọc nước
37	Xanh methyle 5g	Gói	10	Sát khuẩn
38	Cloramin B 250mg	Viên	1000	Khử khuẩn nước
39	Oxy già	Chai	40	Rửa vết thương
40	Nacl 0,9% 500ml	Chai	40	Rửa vết thương
41	Cồn 70 độ	Chai	40	Sát khuẩn
42	Cồn sát khuẩn 70	Lít	50	
43	Clorin 70%	Kg	490	Khử khuẩn
44	Perthrine	Lít	80	Thuốc diệt muỗi
45	Bình phun hóa chất	Bình	07	
46	Clorin	Kg	50	
47	Ủng nhựa	Đôi	20	
48	Găng tay sử dụng nhiều lần	Đôi	40	
49	Cloramin B (Bột)	Kg	274	
50	Clorin	Kg	235	
51	Pesmethrin 50 Ec	Lít	70	
52	HAN-PEC 50EC	Lít	20	HC Chống dịch
53	Ceftriaxon 1g/Cefotaxime 1g	lọ	4831	
54	Levofloxacin 0,5 g (hiện có loại chai)	Lọ	420	
55	Adrenalin 1mg/ml	ống	1467	
56	Nor-adrenalin 1mg/ml	ống	432	
57	Dopamin 200mg/4ml	ống	19	
58	Dobutamin 250mg	ống	90	
59	Midazolam 5mg/ống	ống	681	
60	Morphin 1mg/ống	ống	263	
61	Fentanyl 0,5mg/10ml; 0,1mg/2ml	ống	310	
62	Natri clorid 0,9% 500ml	chai	1368	
63	Glucose 5% 500ml	chai	3331	
64	Glucose 10% 500ml	chai	104	
65	Glucose 30% 500ml (hiện có chai 250ml)	chai	157	
66	Ringer lactat	chai	3286	
67	Paracetamol 10mg/ml chai 50ml (hiện có chai 100ml)	chai	137	
68	Paracetamol 500mg/viên; 300mg/viên; 150mg/viên; 80mg/viên	viên	116483	
	Hóa chất, dụng cụ chống dịch và PCTT			
68	Găng tay rửa bằng cao su, dùng nhiều lần.	Đôi	540	
69	Găng khám bệnh, dùng 01 lần.	Đôi	9880	
70	Găng tay vô khuẩn	Đôi	3342	
71	Găng tay dài	Đôi	5212	
72	Bộ trang phục phòng chống dịch dùng 01 lần, bảo vệ toàn thân.	Bộ	5350	
73	Khẩu trang y tế	Cái	25245	
74	Bao giấy phòng mổ, dùng 1 lần.	Đôi	100	
75	Khẩu trang N95 hoặc tương đương;	Chiếc	3240	
76	Băng có đánh dấu màu	Cuộn	30	
77	Khăn giấy lau tay	Hộp/cuộn	3	

78	Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn.	Chai (500ml có vòi bơm)	257	
79	Dung dịch xà phòng	Chai (500ml có vòi bơm)	109	
80	Khăn lau khử khuẩn bề mặt máy thở, monitor...	Hộp (80 Cái)	3202	
81	Túi rác thải nguy hại	Cái	1050	
82	Chlorhexidine 0.12% súc miệng cho NVYT	Chai (200ml)	170	
83	Túi đựng tử thi	Chiếc	11	
84	Mũ phẫu thuật trùm kín tai, cổ	100 cái/hộp	51 hộp/5100 cái	
85	Bao giấy phòng mổ, dùng 01 lần	100 đôi/hộp	51 hộp/5100 cái	
86	Đồ phòng hộ	Bộ	458	
87	Quần áo chống virus	Bộ	159	
88	Kính bảo hộ	Cái	242	
89	Mặt nạ phòng độc	Cái	111	
90	Ủng cao su	Đôi	296	
91	Gel rửa tay	Chai	164	
92	Thuốc tamiflu	Viên	100	
93	Bao chân chống hóa chất	Cặp	340	
94	Khẩu trang vải kháng khuẩn	Cái	500	
95	Bình phun tay	Cái	2	
96	Máy phun đeo vai (MD)	Cái	5	
97	Trang phục phòng hộ Danameco	Bộ	500	Chống dịch
98	Nhiệt kế điện tử	Cái	27	Kiểm tra thân nhiệt
99	Bông, băng, gòn, gạc	Bộ	50	
	* Vật tư tiêu hao khác			
99	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm	hộp	10	
100	Týp đựng môi trường vận chuyển bệnh phẩm	hộp 50 cái	160	
101	Tăm bông mềm lấy bệnh phẩm mũi	hộp 100 cái	200	
102	Dây hút đờm thường	Chiếc	200	
103	Mask có túi	chiếc	20	
104	Mask thở máy không xâm nhập	Chiếc	20	
105	Bộ dây và mask khí dung dùng 1 lần	chiếc	200	
106	Dây thở oxy	chiếc	200	
107	Dây máy thở dùng một lần	Bộ	30	
108	Bộ đo huyết áp động mạch xâm nhập	Bộ	12	
109	Catheter động mạch (theo dõi HA xâm lấn)	Chiếc	12	
110	Túi đựng dịch thải lọc máu	Túi	30	
111	Ống nội khí quản hút trên cuff (Hi-Lo EVAC)	Cái	25	
112	Catheter đặt tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Cái	20	
113	Catheter dẫn lưu màng phổi	Cái	10	
114	Túi đo nước tiểu	Túi	100	
115	Sonde foley	Cái	20	
116	Điện cực dính	Cái	500	
117	Phin lọc khuẩn và vi rút dây máy thở	Cái	500	
118	Canuyn mở khí quản cỡ từ 3,5; 4; 4,5; 5; 5,5; 6; 6,5; 7; 7,5 và 8 (mỗi loại 05)	Chiếc	50	
119	Bộ điện cực máy tạo nhịp ngoài	Bộ	2	
120	Dây nối máy thở	Chiếc	250	

	Trang thiết bị thiết yếu			
121	Máy thở chức năng cao	Cái	1	
122	Máy thở không xâm nhập	Cái	4	
123	Máy X quang di động	Cái	2	
124	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số	Cái	22	
125	Bơm tiêm điện	Cái	17	
126	Máy truyền dịch	Cái	17	
127	Máy siêu âm Doppler màu ≥ 3 đầu dò (Máy phải có đầu dò và tính năng, phần mềm đo chức năng tim)	Cái	1	
128	Máy phun dung dịch khử khuẩn; Khử khuẩn bề mặt trong các phòng cách ly	Cái	1	
129	Hệ thống oxy (có thể thay thế bằng bình oxy hoặc oxy hóa lỏng)	Cái	1	
130	Bộ hút đờm	Cái	40	
131	Bộ đặt nội khí quản thường	Cái	5	
132	Máy khí dung	Cái	20	
133	Máy phá rung tim có tạo nhịp	Cái	2	
134	Máy điện tim ≥ 6 kênh	Cái	2	
135	Bộ mở khí quản	Cái	2	
136	Đèn cực tím	Cái	1	
137	Xe ô tô cứu thương	Chiếc	2	
138	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập	Cái	7	
Tổng cộng			275.692	

PHỤ LỤC XI:

TỔNG HỢP CÁC ĐỐI TƯỢNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG DO ẢNH HƯỞNG MƯA LỚN, LỐC, SÉT, NGẬP LỤT, NƯỚC DÂNG

(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

TT	Địa điểm	Người cao tuổi (Người)	Trẻ em (Người)	Người khuyết tật (Người)	Người nghèo (Người)
1	Huyện Phú Tân	149	379	3.031	455
2	Huyện Năm Căn	168	411	1.326	581
3	Huyện Ngọc Hiển	10	1.332	1.137	540

4	Huyện Cái Nước	519	1.048	5.309	621
5	Huyện Trần Văn Thời	286	651	4.960	1366
6	Huyện U Minh	45	1.336	3.517	3048
7	Huyện Thới Bình	28	2.783	3.615	1511
8	Thành phố Cà Mau	157	160	5.065	271
9	Huyện Đầm Dơi	414	1.721	5.346	2714
Tổng		1.776	9.821	33.306	11.107

Phụ lục XII:
TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VỀ NHÀ Ở

(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)

TT	Địa điểm	Số lượng nhà chưa đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai (nhà)	Phân bố dân cư trên địa bàn tỉnh (người)		
			Tổng	Thành thị	Nông thôn
1	Thành phố Cà Mau	4.550	231.376	147.987	83.389
2	Huyện Thới Bình	6.159	137.826	10.427	127.399
3	Huyện U Minh	15.303	102.290	7.496	94.794
4	Huyện Trần Văn Thời	10.552	198.133	44.343	153.790
5	Huyện Cái Nước	4.382	137.648	14.964	122.684
6	Huyện Phú Tân	7.394	99.412	14.362	85.050
7	Huyện Đầm Dơi	14.325	176.563	10.868	165.695
8	Huyện Năm Căn	6.185	56.745	16.333	40.412
9	Huyện Ngọc Hiển	9.445	67.381	11.608	55.773
Tổng		78.295	1.207.374	278.388	928.986

Phụ lục XIII:**TỔNG HỢP PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI MƯA LỚN, LỐC, SÉT, NGẬP LỤT, NƯỚC DÂNG VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ THEO CẤP ĐỘ RỦI RO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU***(Kèm theo Phương án số: 04 /PA-BCH ngày 08/4/2025 của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS tỉnh Cà Mau)*

TT	Kịch bản	Kịch bản thiên tai	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Xác định khu vực, mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần được bảo vệ, nguồn lực ứng phó	Ghi chú
1	Kịch bản 1	Mưa lớn kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.	- Toàn tỉnh, trọng tâm là các khu vực vùng ngọt hóa thuộc huyện U Minh và huyện Trần Văn Thời.	- Phương án tiêu thoát nước vùng ngọt hóa. - Phương án ứng phó đối với các hoạt động sản xuất, chủ yếu là cây trồng, nuôi trồng thủy sản. - Phương án di dời người dân ra khỏi khu vực nguy hiểm. - Phương án chỉ đạo phòng chống ngập úng, sạt lở đất do mưa lớn. - Phương án chống sét cho công trình, nhà ở có nguy cơ.	Đã được xác định tại các Phụ lục I-XII về các đối tượng dễ bị tổn thương và các nguồn lực ứng phó. Tùy theo tình hình thực tế, sẽ cập nhật, điều chỉnh và huy động nguồn lực thích hợp	
2	Kịch bản 2	Mức nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm trên 01 lưu vực sông; từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1m tại các trạm trên 01 lưu vực sông và từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm trên nhiều lưu vực sông; từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1,0m tại các trạm trên nhiều lưu vực sông: Gành Hào, Cửa Lớn, Ông Đốc, Đầm Dơi, Rạch Gốc. cấp độ rủi ro do ngập lụt cấp 1-3	- Các khu vực ven sông, ven biển trên toàn tỉnh.	- Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ và tại bến. - Phương án ứng phó với cơ sở nuôi trồng thủy sản ven biển, đảo Hòn Chuối. - Phương án bảo vệ an toàn cho người dân, nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất ven biển. - Phương án hộ đê biển Tây. - Phương án xử lý ngập tràn. - Phương án ứng phó đối với các Khu du lịch ven biển, hải đảo (Khu du lịch Đất Mũi, Hòn Đá Bạc,...) . - Phương án ứng phó trên đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối. - Phương án ứng phó đối với công trình phòng chống thiên tai (đê, kè).		

3	Kịch bản 3	Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ 1,0m đến 2,0 m cho khu vực ven biển Đông và ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 2 và độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 2,0 m đến 3,0 m cho khu vực ven biển Tây tỉnh Cà Mau, cấp độ rủi ro do nước dâng cấp 3	- Các khu vực ven sông, ven biển trên toàn tỉnh. - Các khu vực phía trong đê biển Tây.	- Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ và tại bến. - Phương án ứng phó với cơ sở nuôi trồng thủy sản ven biển, đảo Hòn Chuối. - Phương án bảo vệ an toàn cho người dân, nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất ven biển. - Phương án hộ đê biển Tây. - Phương án xử lý ngập tràn. - Phương án ứng phó đối với các Khu du lịch ven biển, hải đảo (Khu du lịch Đất Mũi, Hòn Đá Bạc,...) . - Phương án ứng phó trên đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối. - Phương án ứng phó đối với công trình phòng chống thiên tai (đê, kè).	Đã được xác định tại các Phụ lục I-XII về các đối tượng dễ bị tổn thương và các nguồn lực ứng phó. Tùy theo tình hình thực tế, sẽ cập nhật, điều chỉnh và huy động nguồn lực thích hợp	
---	------------	--	--	---	---	--